

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

BÁO CÁO TÓM TẮT

DDCI

2023



**QUÉT MÃ QR NÀY ĐỂ TẢI BẢN BÁO CÁO DDCI NĂM 2023 ĐẦY ĐỦ.
Trân trọng cảm ơn!**



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

BÁO CÁO TÓM TẮT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC
HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH BÌNH
ĐỊNH NĂM 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC HÌNH.....	iii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	v
Chương 1: GIỚI THIỆU CHUNG	1
1.1. Mục đích khảo sát DDCI.....	1
1.2. Ý nghĩa của Bộ chỉ số DDCI.....	1
1.3.1. Đối với các sở, ban, ngành tỉnh	2
1.3.2. Đối với địa phương (cấp huyện)	3
1.4.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu và chọn mẫu	3
1.4.1.1. Mẫu khảo sát Sở, ban, ngành.....	4
1.4.1.2. Mẫu khảo sát Địa phương.....	4
1.4.2. Khảo sát thử và hiệu chỉnh mẫu phiếu khảo sát	4
1.4.3. Khảo sát thực tế.....	4
1.4.4. Làm sạch dữ liệu, nhập phiếu, xử lý dữ liệu, tính điểm và xếp hạng.....	4
1.4.5. Xây dựng báo cáo kết quả	6
1.4.6. Công bố kết quả và Quyết định công nhận kết quả xếp hạng.....	6
Chương 2: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH	7
2.1. Kết quả xếp hạng DDCI cấp Sở, ban, ngành tỉnh Bình Định năm 2023 ...	7
2.2. Kết quả xếp hạng 8 chỉ số thành phần DDCI cấp Sở, ban, ngành tỉnh Bình Định năm 2023	10
2.2.1. Chỉ số “ <i>Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</i> ”	10
2.2.2. Chỉ số thành phần “ <i>Tính năng động của Sở, ban, ngành</i> ”	11
2.2.3. Chỉ số thành phần “ <i>Chi phí thời gian</i> ”	12
2.2.4. Chỉ số thành phần “ <i>Chi phí không chính thức</i> ”	13
2.2.5. Chỉ số thành phần “ <i>Cạnh tranh bình đẳng</i> ”	14
2.2.6. Chỉ số thành phần “ <i>Hỗ trợ doanh nghiệp</i> ”	15
2.2.7. Chỉ số thành phần “ <i>Thiết chế pháp lý</i> ”	16
2.2.8. Chỉ số thành phần “ <i>Vai trò người đứng đầu</i> ”	17
2.2.9. Các vấn đề khó khăn của doanh nghiệp về môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh	17
2.2.10. Các đề xuất của doanh nghiệp nhằm cải thiện năng lực điều hành của sở, ban, ngành và cải thiện môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh	18

Chương 3: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG	20
3.1. Kết quả xếp hạng DDCI cấp Địa phương tỉnh Bình Định năm 2023	20
3.2. Kết quả xếp hạng 9 chỉ số thành phần DDCI cấp Địa phương tỉnh Bình Định năm 2023	22
3.2.1. Chỉ số thành phần “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”	22
3.2.2. Chỉ số thành phần “Tính năng động của địa phương”	22
3.2.3. Chỉ số thành phần “Chi phí thời gian”	23
3.2.4. Chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức”	24
3.2.5. Chỉ số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng”	24
3.2.6. Chỉ số thành phần “Hỗ trợ doanh nghiệp”	25
3.2.7. Chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý”	26
3.2.8. Chỉ số thành phần “Vai trò người đứng đầu”	26
3.2.9. Chỉ số thành phần “Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất”	27
3.2.10. Các vấn đề khó khăn của doanh nghiệp về môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh	27
3.2.11. Các đề xuất của doanh nghiệp nhằm cải thiện năng lực điều hành của địa phương và cải thiện môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh	28
Chương 4: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	29
1. Kết luận	29
2. Kiến nghị	30
Phụ lục 1: TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2023	31
Phụ lục 2: TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2023	33

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Điểm số và xếp hạng chỉ số DDCI cấp Sở, ban, ngành tỉnh Bình Định năm 2023	7
Hình 2: Điểm các chỉ số thành phần DDCI cấp Sở, ban, ngành tỉnh Bình Định năm 2023	8
Hình 3: So sánh điểm số các chỉ số thành phần DDCI cấp Sở, ban, ngành tỉnh Bình Định năm 2023 với năm 2022	9
Hình 4: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” cấp Sở, ban, ngành	10
Hình 5: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Tính năng động” cấp Sở, ban, ngành.....	11
Hình 6: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Chi phí thời gian” cấp Sở, ban, ngành....	12
Hình 7: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Chi phí không chính thức” cấp Sở, ban, ngành	13
Hình 8: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” cấp Sở, ban, ngành	14
Hình 9: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” cấp Sở, ban, ngành	15
Hình 10: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Thiết chế pháp lý” cấp Sở, ban, ngành .	16
Hình 11: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Vai trò người đứng đầu” cấp Sở, ban, ngành	17
Hình 12: Điểm số và xếp hạng chỉ số DDCI cấp Địa phương tỉnh Bình Định năm 2023	20
Hình 13: Điểm số các chỉ số thành phần DDCI cấp Địa phương năm 2023	21
Hình 14: So sánh điểm số các chỉ số thành phần DDCI cấp Địa phương tỉnh Bình Định năm 2023 với năm 2022	21
Hình 15: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” cấp Địa phương	22
Hình 16: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Tính năng động của địa phương” cấp Địa phương.....	22
Hình 17: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Chi phí thời gian” cấp Địa phương.....	23
Hình 18: Điểm số và xếp hạng “Chi phí không chính thức” cấp Địa phương....	24
Hình 19: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” cấp Địa phương	24
Hình 20: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” cấp Địa phương.	25
Hình 21: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Thiết chế pháp lý” cấp Địa phương	26
Hình 22: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Vai trò người đứng đầu” cấp Địa phương	26

Hình 23: Điểm số và xếp hạng phần “Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất” cấp Địa phương.....	27
--	----

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BQL KKT	Ban Quản lý khu kinh tế
BHXXH	Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Định
CHQ	Cục Hải quan tỉnh Bình Định
CTT	Cục Thuế tỉnh Bình Định
DDCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và Địa phương
DN	Doanh nghiệp
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
NHNN	Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Định
QLTT	Quản lý thị trường
Sở GTVT	Sở Giao thông vận tải
Sở KH&CN	Sở Khoa học và Công nghệ
Sở KH&ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Sở LĐ-TB&XH	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Sở TN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
Sở TT&TT	Sở Thông tin và Truyền thông
Sở VH&TT	Sở Văn hóa và Thể thao
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân

Chương 1

GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Mục đích khảo sát DDCI

Thứ nhất, nhằm mục tiêu xây dựng hình ảnh chính quyền năng động, thân thiện và cầu thị. Đây cũng là hoạt động góp phần thực hiện yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ đó là chuyển từ chính quyền cấp phép, cho phép sang chính quyền phục vụ.

Thứ hai, DDCI cung cấp cho lãnh đạo tỉnh một công cụ hiệu quả để giám sát và chỉ đạo cải thiện chất lượng điều hành đối với các sở, ban, ngành và địa phương. Phản hồi của cộng đồng DN qua điều tra DDCI sẽ cung cấp những thông tin chân thực, khách quan về quá trình DN thực hiện TTHC và làm việc với các các sở, ban, ngành và địa phương.

Thứ ba, tạo kênh thông tin phản hồi rộng rãi, minh bạch và tin cậy để nhà đầu tư, DN tham gia đóng góp ý kiến đối với các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh.

Thứ tư, DDCI giúp lãnh đạo tỉnh xác định được những đơn vị thực hiện tốt và hiệu quả trong việc cải cách TTHC, từ đó nhân rộng ra các đơn vị khác. Đây cũng là cách để khích lệ, tạo sự cạnh tranh, thi đua lành mạnh và phát huy sự năng động, sáng tạo của cán bộ các sở, ban, ngành và địa phương trong việc thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh về nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện môi trường kinh doanh của các đơn vị.

Thứ năm, kết quả khảo sát DDCI giúp lãnh đạo đơn vị nhận diện rõ những điểm mạnh cần phát huy và những hạn chế cần khắc phục. Từ đó lãnh đạo các đơn vị có thể xác định trọng tâm cải cách, lựa chọn và triển khai các giải pháp phù hợp với thực tế và kịp thời.

1.2. Ý nghĩa của Bộ chỉ số DDCI

DDCI (viết tắt của *Department and District Competitiveness Index*) là Bộ chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp Sở, ban, ngành và Địa phương thuộc Tỉnh. Khảo sát DDCI trên cơ sở thăm dò mức độ hài lòng của nhà đầu tư, DN, HKD (hộ kinh doanh) cá thể, HTX đang đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh để nghiên cứu giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh hàng năm, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại của những lĩnh vực được khảo sát.

DDCI cho thấy những khác biệt về năng lực điều hành kinh tế của cấp Sở, ban, ngành và Địa phương. Mỗi chỉ số thành phần đều được quy ra các điểm số có sự tương đồng để so sánh giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong lĩnh vực liên quan. Mỗi chỉ số thành phần được xây dựng từ nhiều chỉ tiêu nhỏ. Mỗi chỉ tiêu được chuẩn hóa theo thang điểm 10, đơn vị có thực tiễn tốt nhất sẽ đạt điểm 10, đơn vị có thực tiễn kém nhất tương ứng với điểm 1; các đơn vị còn lại sẽ có số điểm nằm giữa 1 và 10.

1.3. Các chỉ số thành phần của DDCI

1.3.1. Đối với các sở, ban, ngành tỉnh

Gồm 8 chỉ số thành phần được đánh giá: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Tính năng động của Sở, ban, ngành; (3) Chi phí thời gian; (4) Chi phí không chính thức; (5) Cạnh tranh bình đẳng; (6) Hỗ trợ doanh nghiệp; (7) Thiết chế pháp lý; (8) Vai trò của người đứng đầu.

Có 22 cơ quan được đánh giá:

- Khối các cơ quan thuộc tỉnh (16 cơ quan): Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Công Thương, Sở Du Lịch, Sở Giao thông và Vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng, Sở Y tế.

- Khối các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (06 cơ quan): Bảo hiểm xã hội, Công an, Cục Thuế, Cục Hải quan, Cục Quản lý thị trường, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh.

- Số lượng phiếu đánh giá cho các sở, ban, ngành:

STT	Cơ quan	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	42	4,10
2	Sở Công Thương	48	4,69
3	Sở Du lịch	27	2,64
4	Sở Giao thông vận tải	50	4,88
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	10	0,98
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	95	9,28
7	Sở Khoa học và Công nghệ	33	3,22
8	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	42	4,10
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	64	6,25
10	Sở Tài chính	9	0,88
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	74	7,23
12	Sở Thông tin và Truyền thông	20	1,95
13	Sở Tư pháp	10	0,98
14	Sở Văn hóa và Thể thao	19	1,86
15	Sở Xây dựng	71	6,93
16	Sở Y tế	64	6,25
17	Bảo hiểm xã hội	76	7,42
18	Công an	35	3,42
19	Cục Thuế	85	8,30
20	Cục Hải quan	81	7,91
21	Cục Quản lý thị trường	35	3,42
22	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh	34	3,32
	Tổng cộng	1.024	100

1.3.2. Đối với địa phương (cấp huyện)

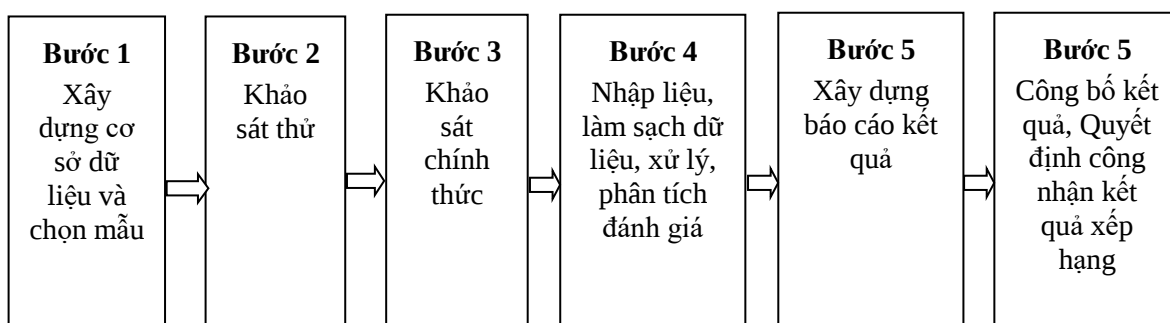
Gồm 9 chỉ số thành phần được đánh giá: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Tính năng động của địa phương; (3) Chi phí thời gian; (4) Chi phí không chính thức; (5) Cạnh tranh bình đẳng; (6) Hỗ trợ doanh nghiệp; (7) Thiết chế pháp lý; (8) Vai trò của người đứng đầu; (9) Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất.

Có 11 địa phương được đánh giá, 8 huyện: (1) An Lão; (2) Hoài Ân; (3) Phù Cát; (4) Phù Mỹ; (5) Tây Sơn; (6) Tuy Phước; (7) Vân Canh; (8) Vĩnh Thạnh, 02 thị xã: An Nhơn, Hoài Nhơn và thành phố Quy Nhơn.

Số lượng phiếu đánh giá cho các địa phương:

STT	Địa phương	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Huyện An Lão	23	5,26
2	Thị xã An Nhơn	35	8,01
3	Huyện Hoài Ân	40	9,15
4	Thị xã Hoài Nhơn	54	12,36
5	Huyện Phù Cát	49	11,21
6	Huyện Phù Mỹ	34	7,78
7	Thành phố Quy Nhơn	75	17,16
8	Huyện Tây Sơn	36	8,24
9	Huyện Tuy Phước	50	11,44
10	Huyện Vân Canh	21	4,81
11	Huyện Vĩnh Thạnh	20	4,58
	Tổng cộng	437	100

1.4. Quy trình triển khai thực hiện



1.4.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu và chọn mẫu

Trung tâm Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội (Gọi tắt là Trung tâm) tham mưu Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản đề nghị các sở, ban, ngành và địa phương cung cấp danh sách các DN, HTX và HKD có phát sinh giao dịch, thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan trong năm 2023 để tiến hành chọn đối tượng điều tra.

1.4.1.1. Mẫu khảo sát Sở, ban, ngành

Mẫu khảo sát sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và theo tỉ lệ doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX), hộ kinh doanh (HKD) có tương tác với Sở, ban, ngành theo danh sách mẫu đã được các sở, ban, ngành cung cấp. Đối với một số sở, ban, ngành có ít DN, HTX, HKD tương tác, danh sách mẫu sẽ ưu tiên chọn trước và lấy gần như toàn bộ danh sách các sở, ban, ngành cung cấp, đồng thời bổ sung thêm dựa trên phân loại ngành nghề đặc thù có tương tác và hiểu biết về cơ quan đó. Đồng thời, nhằm cân đối tỉ lệ phân bổ mẫu giữa các sở, ban, ngành, mẫu khảo sát cũng giới hạn số lượng mẫu đối với các sở, ban, ngành có số lượng DN, HTX, HKD tương tác lớn (Thuế, Bảo hiểm xã hội, Hải quan...) cho phù hợp. Ngoài ra, mẫu điều tra cho DDCI cấp Sở, ban, ngành được lựa chọn trên nguyên tắc đảm bảo bao quát các lĩnh vực chức năng quản lý nhà nước, điều hành kinh tế và dịch vụ công của Sở, ban, ngành.

Để đảm bảo tính chính xác và khách quan cho kết quả điều tra; điều tra viên trực tiếp phỏng vấn DN nếu một DN làm việc với nhiều sở, ban, ngành thì tiến hành trả lời câu hỏi khảo sát cho từng cơ quan đó. Mỗi cơ quan sẽ có một phiếu điều tra riêng.

1.4.1.2. Mẫu khảo sát Địa phương

Căn cứ vào lượng giao dịch đối với các địa phương và số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn để phân bổ số lượng phiếu điều tra. Sau khi ra kết quả, sẽ căn cứ vào sự tương quan số lượng phiếu phân bổ giữa các địa phương, đơn vị tư vấn tiến hành điều chỉnh để đảm bảo tính khách quan và sự hài hòa.

1.4.2. Khảo sát thử và hiệu chỉnh mẫu phiếu khảo sát

Để quá trình khảo sát được thuận lợi, khoa học, Trung tâm tiến hành khảo sát thử một số DN và HKD trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, qua kết quả khảo sát thử tiến hành hiệu chỉnh những lỗi kỹ thuật trong quá trình thực hiện để hoàn thiện tiến hành khảo sát thực tế.

1.4.3. Khảo sát thực tế

Dựa trên nguyên tắc độc lập khách quan và bảo mật thông tin của DN, HTX, HKD tham gia đánh giá các sở, ban, ngành và địa phương, đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát qua 03 kênh sau:

- Khảo sát trực tiếp tại các DN nhằm xác thực thông tin và kiểm soát chất lượng (phương pháp chủ yếu);
- Khảo sát bằng thư tín qua đường bưu điện, điện thoại;
- Khảo sát trực tuyến trên nền tảng Zalo.

1.4.4. Làm sạch dữ liệu, nhập phiếu, xử lý dữ liệu, tính điểm và xếp hạng

Làm sạch bảng hỏi đã điền thông tin: Ngay khi nhận được phiếu phản hồi, nhóm thực hiện tiến hành làm sạch bảng hỏi thông qua việc rà soát nội dung thông tin trên cơ sở ba vấn đề chính: đầy đủ thông tin, đúng quy tắc bảng câu hỏi, làm rõ các câu trả lời dễ gây nhầm lẫn.

Nhập phiếu: Bước này bao gồm nhiều quá trình: như nhập số liệu, kiểm tra chéo tính đúng sai trong quá trình nhập liệu, nối số liệu, xuất số liệu.

Xử lý dữ liệu: Nhóm thực hiện các thao tác kiểm tra dữ liệu, khắc phục vấn đề giá trị khuyết và xử lý các điểm khác biệt trong dữ liệu. Đồng thời, để đảm bảo khách quan, nhóm thực hiện sẽ kiểm tra chéo dữ liệu. Nếu phát hiện dữ liệu “xấu”, nhóm sẽ cân nhắc một trong 3 cách cơ bản để xử lý tình huống này là gọi điện hỏi lại người được phỏng vấn để làm sáng tỏ vấn đề; suy luận từ các câu trả lời khác hoặc loại toàn bộ câu trả lời có vấn đề. Dữ liệu điều tra DDCI sau mã hóa sẽ được tiến hành nhập liệu thông qua phần mềm nhập liệu và xử lý dữ liệu được thiết kế dựa trên nền tảng chương trình xử lý số liệu đã được xây dựng. Dữ liệu được xử lý song song tại phần mềm nhập liệu và xử lý dữ liệu. Song song với quá trình nhập liệu, với sự hỗ trợ của Chương trình xử lý số liệu thống kê, có thể phát hiện những lỗi tinh vi hơn của dữ liệu đã thu thập. Các thống kê mô tả và các biểu đồ của các biến là công cụ hữu ích để phát hiện các giá trị (thông tin) cá biệt - ngoại lai. Giá trị trung vị, nhỏ nhất, lớn nhất sẽ cho biết vùng dữ liệu quan sát được của mỗi biến. Đây chính là thông tin quan trọng xác định một biến nào đó có trường hợp ngoại lai không. Cũng cần chú ý là giá trị ngoại lai không nhất thiết là thông tin sai, nhưng trong một số trường hợp, có thể cần loại các giá trị này trong một số tính toán vì chúng có thể làm sai lệch đặc trưng chung của tổng thể. Ngoài ra, quá trình xử lý dữ liệu thông qua kiểm định độ tin cậy của các biến số cũng sẽ hỗ trợ cho việc hiệu chỉnh lại các tiêu chí đánh giá cấu thành nên các chỉ số thành phần trong DDCI một cách phù hợp.

Tính điểm:

- **Đối với các chỉ tiêu thuận**, tức là điểm càng cao thì phản ánh chất lượng điều hành càng tốt. Mỗi chỉ tiêu được chuẩn hóa theo thang 10 điểm, cơ quan có thực tiễn tốt nhất sẽ đạt điểm 10, cơ quan có thực tiễn kém nhất tương ứng với điểm 1; các cơ quan còn lại sẽ có số điểm nằm giữa 1 và 10. **Công thức tính:** $(10*(A - B) - (A - C)*(10-1))/(A - B)$.

Trong đó: A: Điểm cao nhất của tất cả các cơ quan. B: Điểm thấp nhất của tất cả các cơ quan. C: Điểm của cơ quan đánh giá.

- **Đối với các chỉ tiêu nghịch**, tức là điểm càng thấp thì phản ánh chất lượng điều hành càng tốt. Mỗi chỉ tiêu được chuẩn hóa theo thang 10 điểm, cơ quan có đánh giá cao nhất sẽ đạt điểm 1, cơ quan có đánh giá thấp nhất tương ứng với điểm 10; các cơ quan còn lại sẽ có số điểm nằm giữa 0 và 10. **Công thức tính:** $(10*(B - A) - (B - C)*(10-1))/(B - A)$.

Trong đó: A: Điểm cao nhất của tất cả các cơ quan. B: Điểm thấp nhất của tất cả các cơ quan. C: Điểm của cơ quan đánh giá.

Điểm thành phần của 1 chỉ tiêu thành phần sẽ là trung bình cộng của tất cả các câu hỏi trong chỉ tiêu đó.

Xếp hạng: DDCI sẽ được quy đổi về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp. Kết quả phân loại được đánh giá như sau:

- Đạt từ 80 đến 100 điểm: **Nhóm rất tốt;**
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: **Nhóm tốt;**
- Đạt từ 60 đến dưới 70 điểm: **Nhóm khá;**
- Đạt từ 50 đến dưới 60 điểm: **Nhóm trung bình;**
- Đạt từ 40 đến dưới 50 điểm: **Nhóm tương đối thấp;**
- Đạt dưới 40 điểm: **Nhóm thấp.**

1.4.5. Xây dựng báo cáo kết quả

Căn cứ trên kết quả xử lý dữ liệu, tính điểm và xếp hạng, Trung tâm tiến hành viết báo cáo kết quả điều tra. Báo cáo sẽ được thể hiện đầy đủ kết quả xếp hạng của các sở, ban, ngành và địa phương theo đúng các chỉ số DDCI đã được phê duyệt. Nội dung báo cáo còn thể hiện sự so sánh với kết quả đánh giá DDCI năm 2022 để nêu rõ sự thay đổi của các chỉ số qua các năm đánh giá.

1.4.6. Công bố kết quả và Quyết định công nhận kết quả xếp hạng

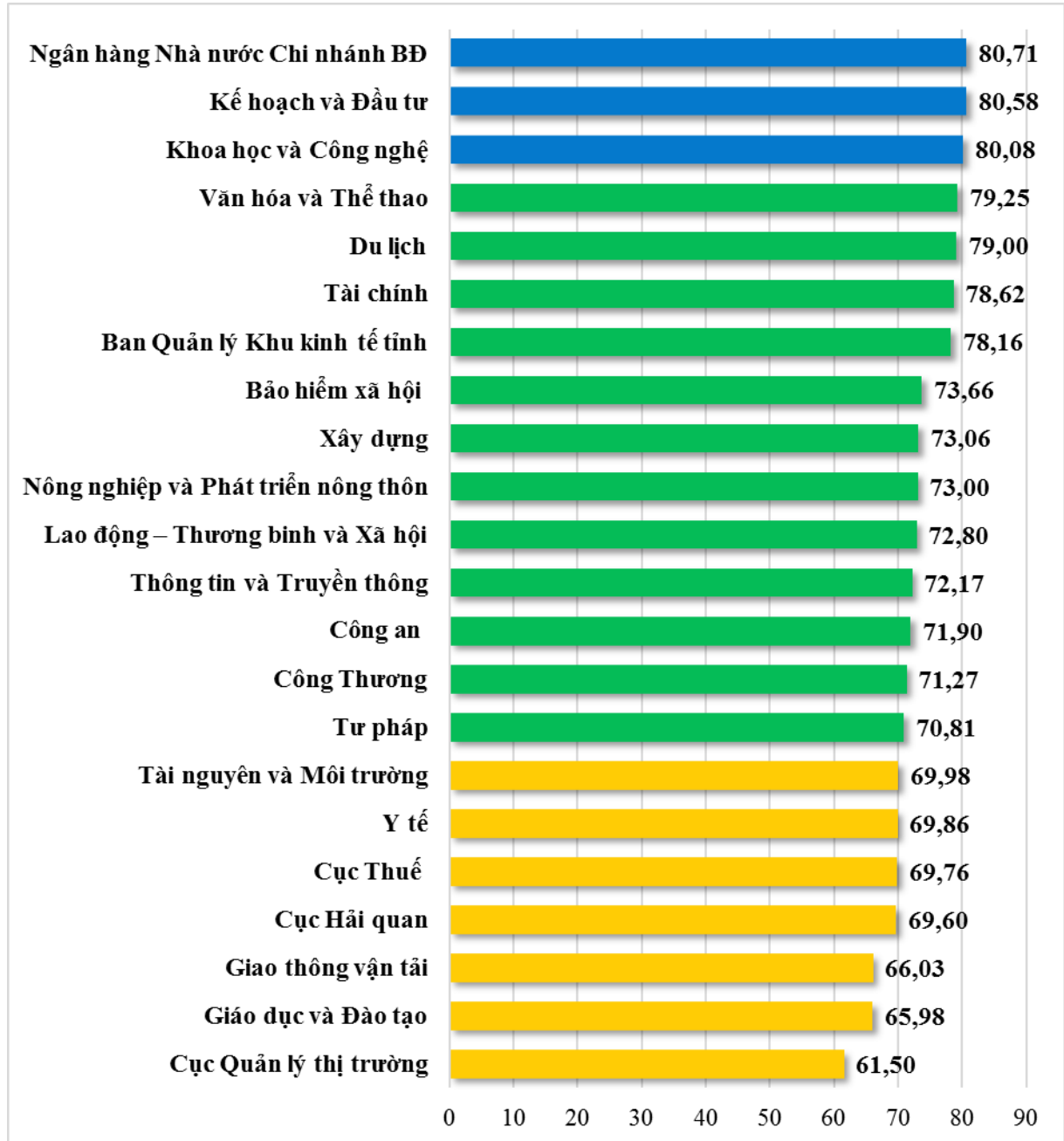
Trung tâm tham mưu Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, trình UBND tỉnh công bố kết quả và ban hành Quyết định công nhận kết quả xếp hạng DDCI năm 2023 của tỉnh Bình Định.

Chương 2

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

2.1. Kết quả xếp hạng DDCI cấp Sở, ban, ngành tỉnh Bình Định năm 2023

Đánh giá năng lực cạnh tranh tỉnh Bình Định năm 2023 đối với cấp Sở, ban, ngành được thực hiện cho 22 cơ quan trên địa bàn tỉnh.



Hình 1: Điểm số và xếp hạng chỉ số DDCI cấp Sở, ban, ngành tỉnh Bình Định năm 2023

Qua bảng xếp hạng cho thấy năng lực cạnh tranh của các sở, ban, ngành có điểm trung vị đạt 72,48 điểm.

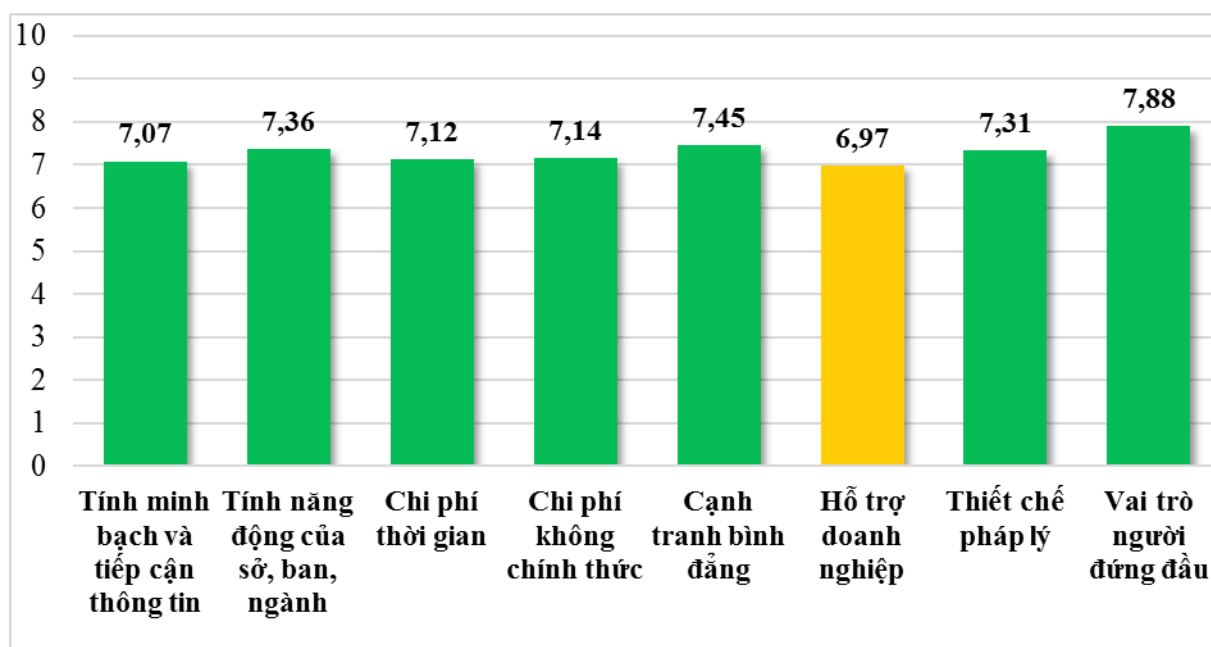
Xét về tính đồng đều giữa 22 cơ quan được đánh giá, điểm số của cơ quan dẫn đầu đạt 80,71 điểm và điểm số của cơ quan xếp cuối đạt 61,5 điểm, khoảng

cách điểm của cơ quan đứng đầu và cuối chênh lệch 19,21 điểm. Điều này cho thấy chất lượng điều hành của các cơ quan đang có sự chênh lệch từ góc nhìn DN. Cụ thể:

- Có 3 cơ quan thuộc nhóm có điểm số xếp loại Rất tốt là: NHNN, Sở KH&ĐT và Sở KH&CN. Nhóm này có khoảng điểm chênh lệch khá thấp là 0,63 điểm, với điểm số đạt từ 80,08 điểm đến 80,17 điểm;

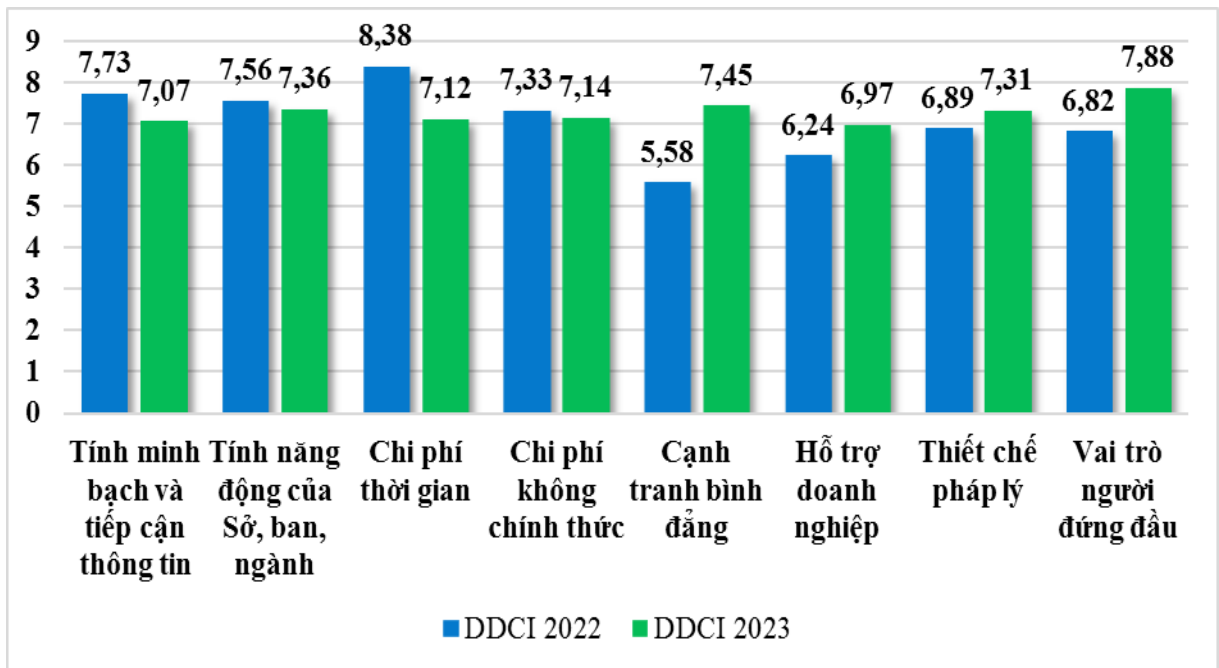
- Có 12 cơ quan thuộc nhóm có điểm số xếp loại Tốt gồm: Sở VH&TT, Sở Du lịch, Sở Tài chính, BQLKKT, BHXH, Sở Xây dựng, Sở NN&PTNT, Sở LĐ-TB&XH, Sở TT&TT, Công an, Sở Công Thương và Sở Tư pháp. Nhóm này có khoản điểm chênh lệch là 8,44 điểm, với điểm số đạt từ 70,81 điểm đến 79,25 điểm.

- Có 7 cơ quan thuộc nhóm có điểm số xếp loại Khá gồm: Sở TN&MT, Y tế, Cục Thuế, Cục Hải quan, Sở GTVT, GD&ĐT và Cục Quản lý thị trường. Nhóm này có khoảng điểm chênh lệch là 8,48 điểm, với điểm số đạt từ 61,5 điểm đến 69,98 điểm.



Hình 2: Điểm các chỉ số thành phần DDCI cấp Sở, ban, ngành tỉnh Bình Định năm 2023

Xét các chỉ số thành phần DDCI có thể thấy “Hỗ trợ doanh nghiệp” là chỉ số có điểm thấp nhất của các sở, ban, ngành tỉnh Bình Định năm 2023. Có 7/8 chỉ số đạt điểm ở mức Tốt, trong đó chỉ số “Vai trò người đứng đầu” được các DN đánh giá cao nhất, đạt 7,88 điểm.

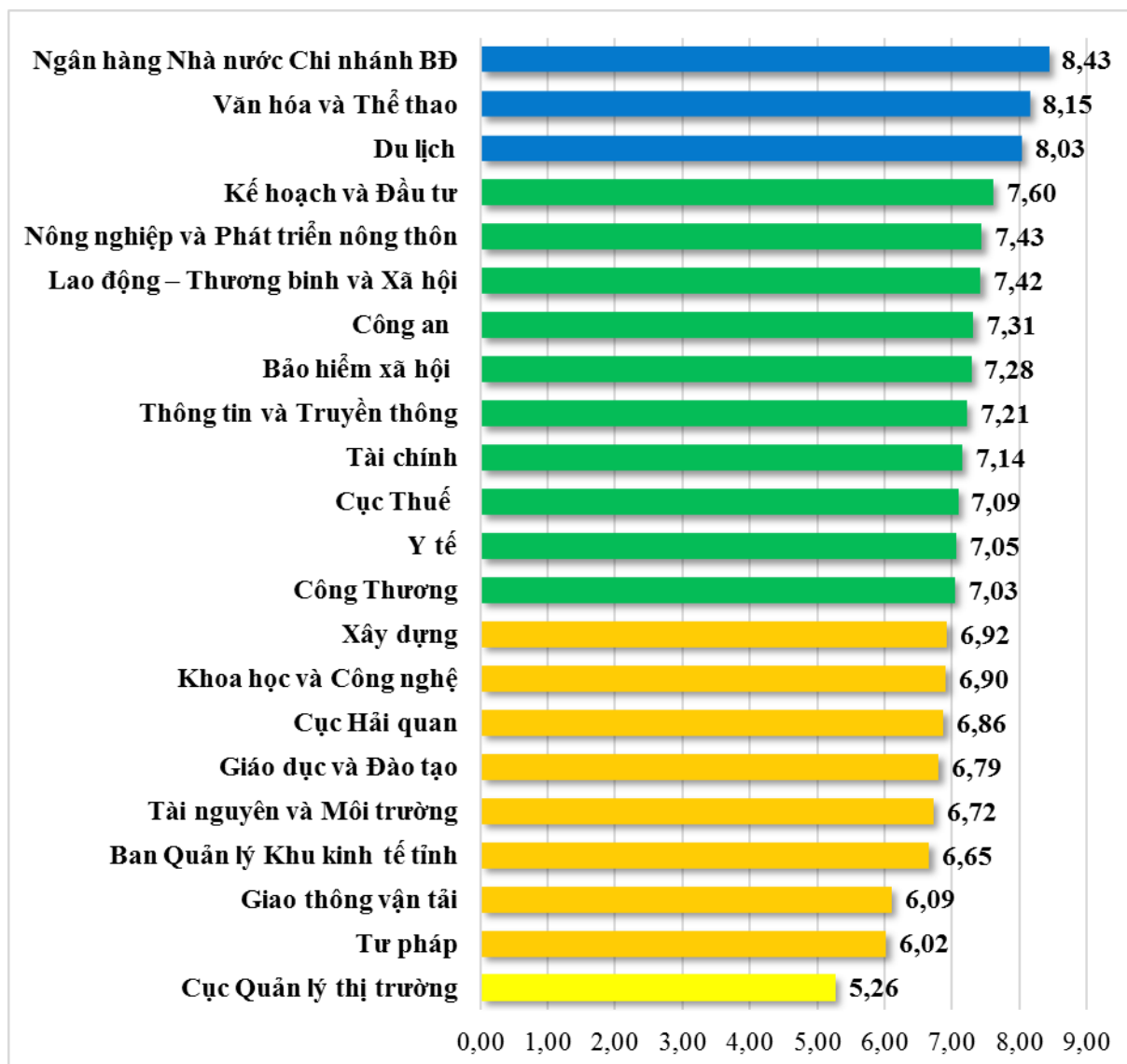


Hình 3: So sánh điểm số các chỉ số thành phần DDCI cấp Sở, ban, ngành tỉnh Bình Định năm 2023 với năm 2022

Năm 2023, cộng đồng DN đánh giá năng lực điều hành của cấp Sở, ban, ngành có sự cải thiện tích cực ở 4 chỉ số thành phần DDCI là: “Thiết chế pháp lý”, “Hỗ trợ doanh nghiệp”, “Vai trò người đứng đầu” và “Cạnh tranh bình đẳng”, trong đó chỉ số cải thiện rõ nhất là “Cạnh tranh bình đẳng” tăng 1,87 điểm. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng ghi nhận 4 chỉ số giảm điểm so với năm trước là: “Chi phí không chính thức”, “Tính năng động của Sở, ban, ngành”, “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” và “Chi phí thời gian”; trong đó, chỉ số “Chi phí thời gian” có mức điểm giảm cao nhất là 1,26 điểm.

2.2. Kết quả xếp hạng 8 chỉ số thành phần DDCI cấp Sở, ban, ngành tỉnh Bình Định năm 2023

2.2.1. Chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”

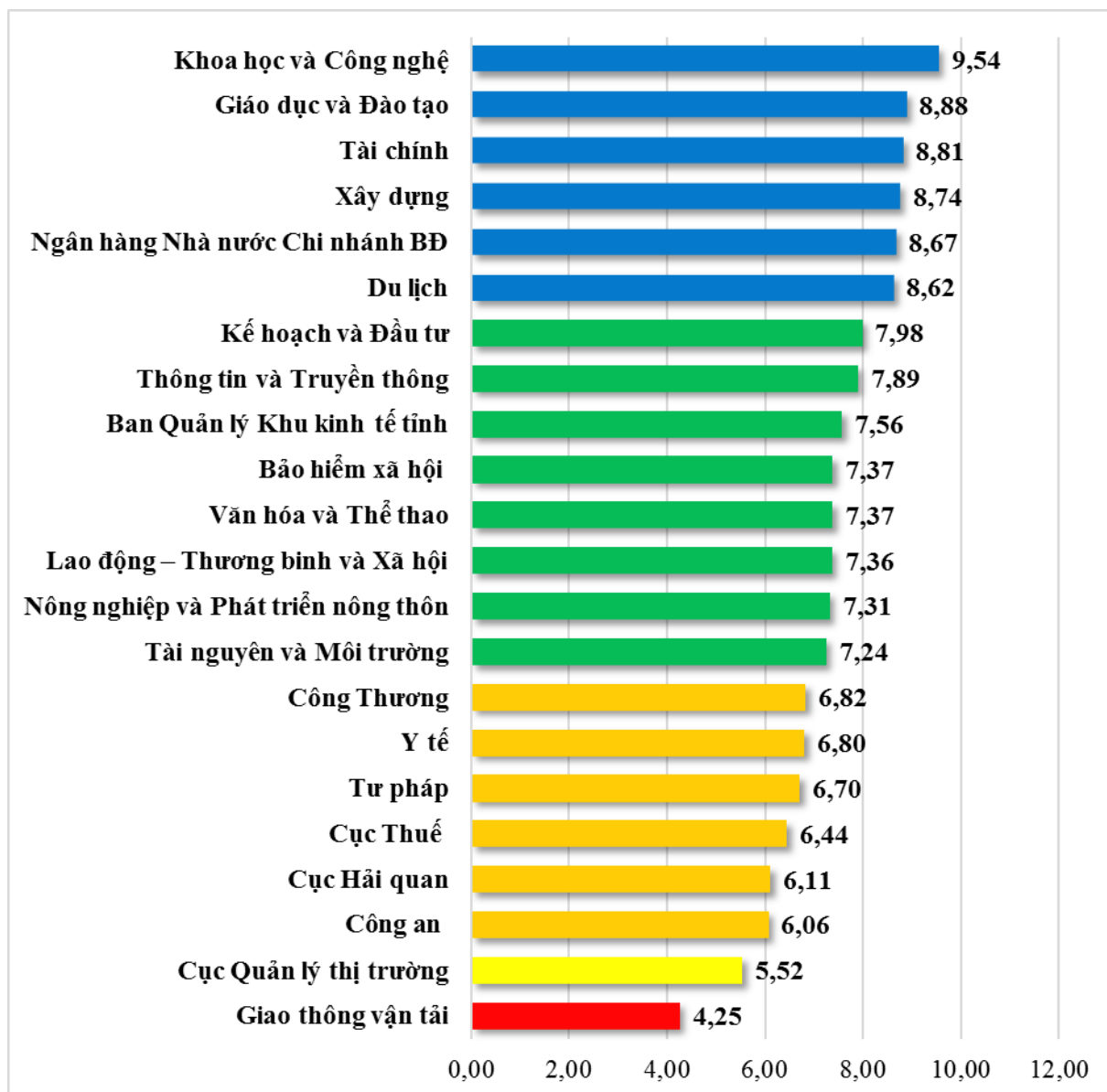


Hình 4: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” cấp Sở, ban, ngành

Chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” năm 2023 cho thấy cộng đồng DN hài lòng về việc công bố công khai các văn bản thực hiện thủ tục hành chính, thái độ phục vụ của cán bộ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của cấp Sở, ban, ngành, điểm trung vị của chỉ số đạt 7,07 điểm. Xếp cao nhất là NHNN đạt 8,43 điểm, xếp thấp nhất là Cục Quản lý thị trường đạt 5,26 điểm.

Khoảng cách điểm giữa cơ quan đứng đầu và cơ quan xếp cuối của chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” DDCI năm 2023 là 3,17 điểm, mức chênh lệch tương đối cao.

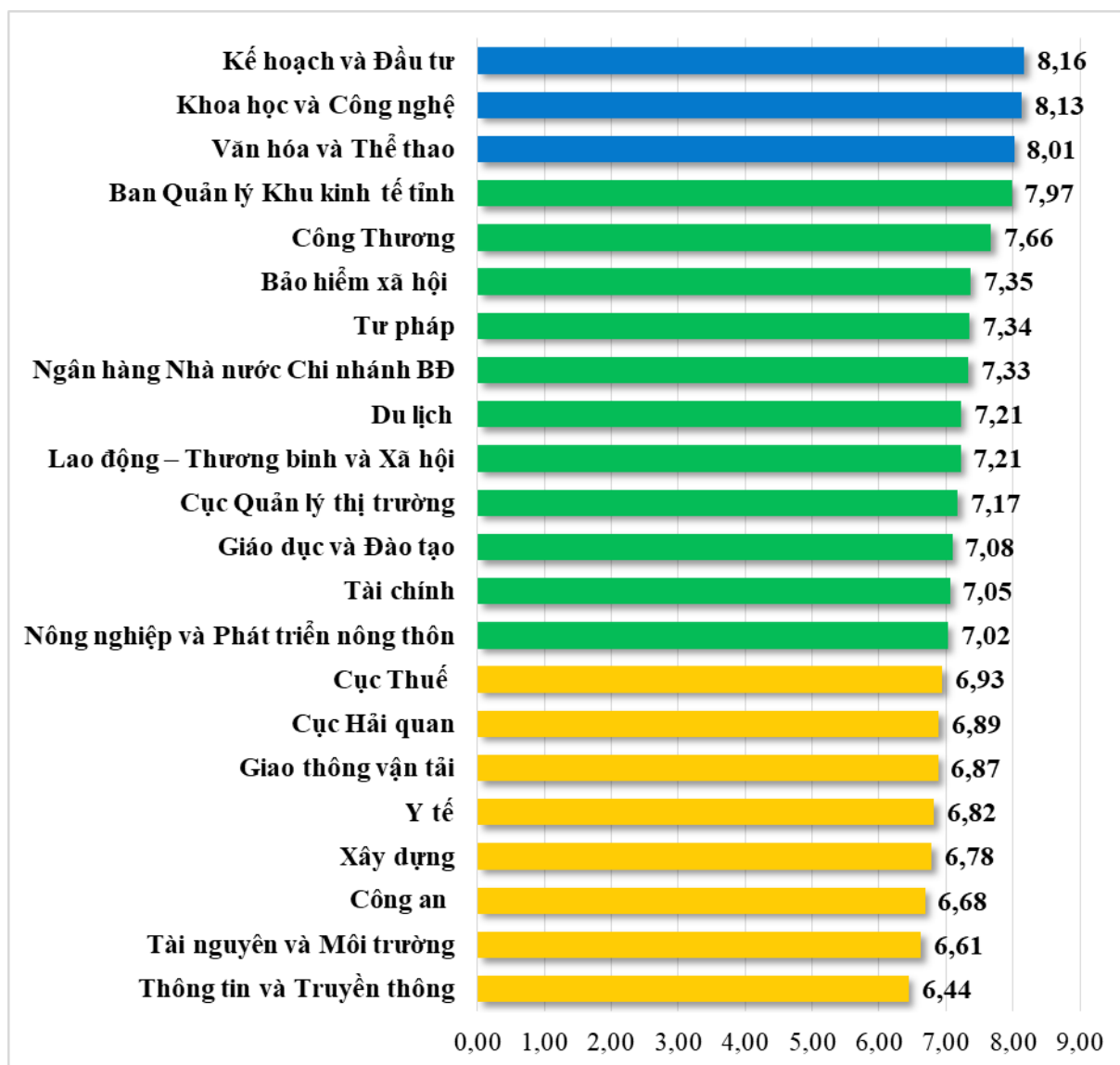
2.2.2. Chỉ số thành phần “Tính năng động của Sở, ban, ngành”



Hình 5: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Tính năng động của sở, ban, ngành” cấp Sở, ban, ngành

Điểm số của chỉ số “Tính năng động của sở, ban, ngành” đạt 7,36 điểm. Sở KH&CN, Sở GD&ĐT và Sở Tài chính là 03 cơ quan dẫn đầu xếp hạng chỉ số “Tính năng động của sở, ban, ngành” năm 2023, điểm trung bình đạt 9,08 điểm. Cục QLTT và Sở GTVT là 02 cơ quan xếp cuối bảng xếp hạng, điểm trung bình đạt 4,89 điểm. Có sự chênh lệch khá lớn giữa các cơ quan, đặt biệt giữa cơ quan xếp đầu với cơ quan xếp cuối, điểm số chênh lệch gấp hơn 2 lần.

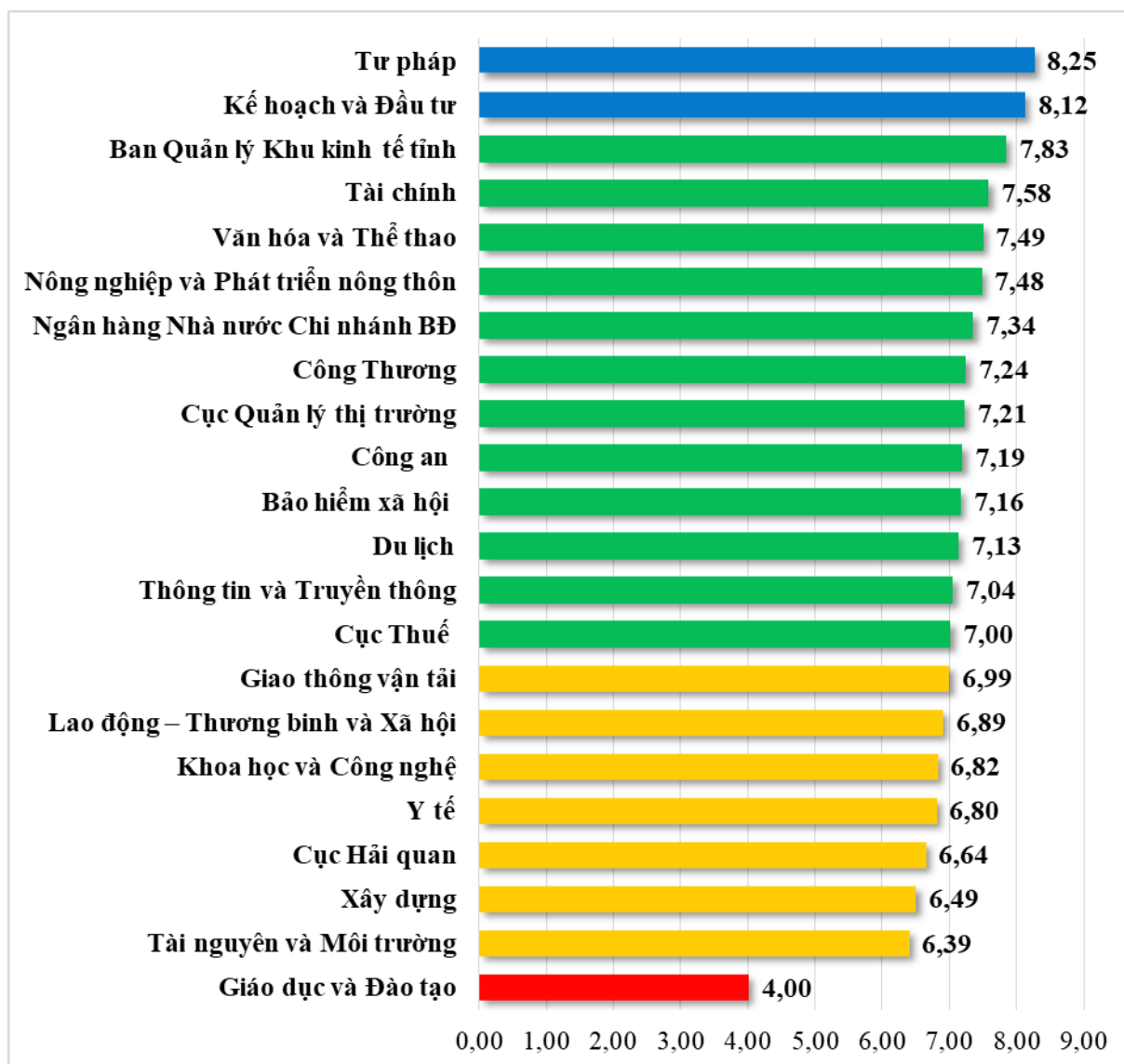
2.2.3. Chỉ số thành phần “Chi phí thời gian”



Hình 6: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Chi phí thời gian” cấp Sở, ban, ngành

Sở KH&ĐT, KH&CN và VH&TT là 3 cơ quan dẫn đầu xếp hạng chỉ số “Chi phí thời gian” của cấp Sở, ban, ngành năm 2023 với số điểm đạt được ở mức rất tốt, với số điểm trung bình đạt 8,1 điểm. Trong khi đó, Sở TN&MT và TT&TT là 2 cơ quan xếp cuối bảng xếp hạng với số điểm trung bình đạt 6,53 điểm.

2.2.4. Chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức”

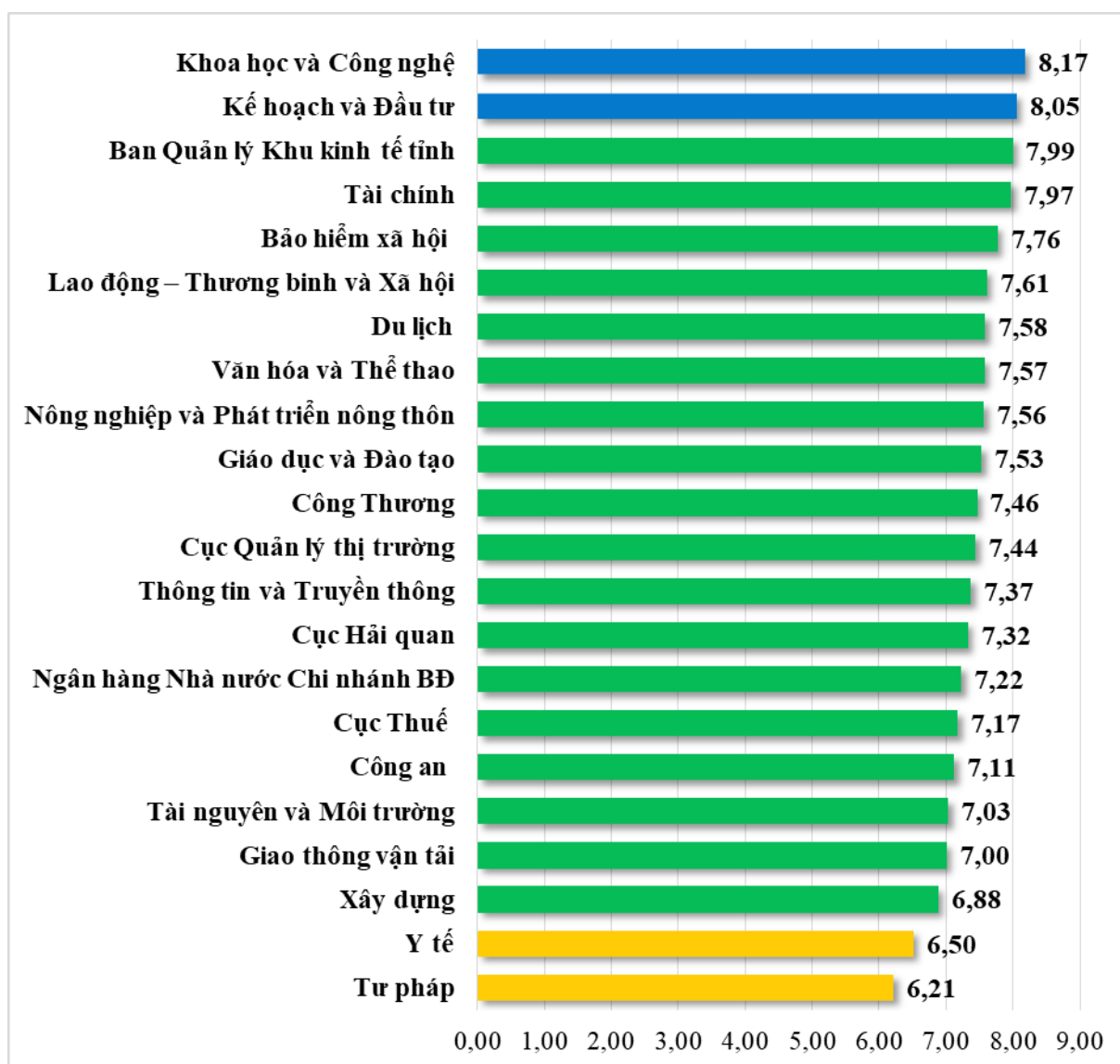


Hình 7: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Chi phí không chính thức” cấp Sở, ban, ngành

Chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” năm 2023 ghi nhận cơ quan dẫn đầu là Sở Tư pháp với 8,25 điểm, 3 cơ quan xếp cuối là Sở Xây dựng, Sở TN&MT và Sở GD&ĐT với mức điểm trung bình đạt 5,63 điểm, điểm trung bình của chỉ số đạt 7,14 điểm.

Theo góc nhìn của các DN, chi phí không chính thức vẫn tồn tại trên địa bàn tỉnh, xu hướng giảm của loại chi phí này còn hạn chế. Do đó, trong thời gian tới lãnh đạo tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra cần phải tích cực hơn nữa trong chỉ đạo, kiểm tra, giám sát để tạo môi trường “lành mạnh” hơn cho các DN hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

2.2.5. Chỉ số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng”

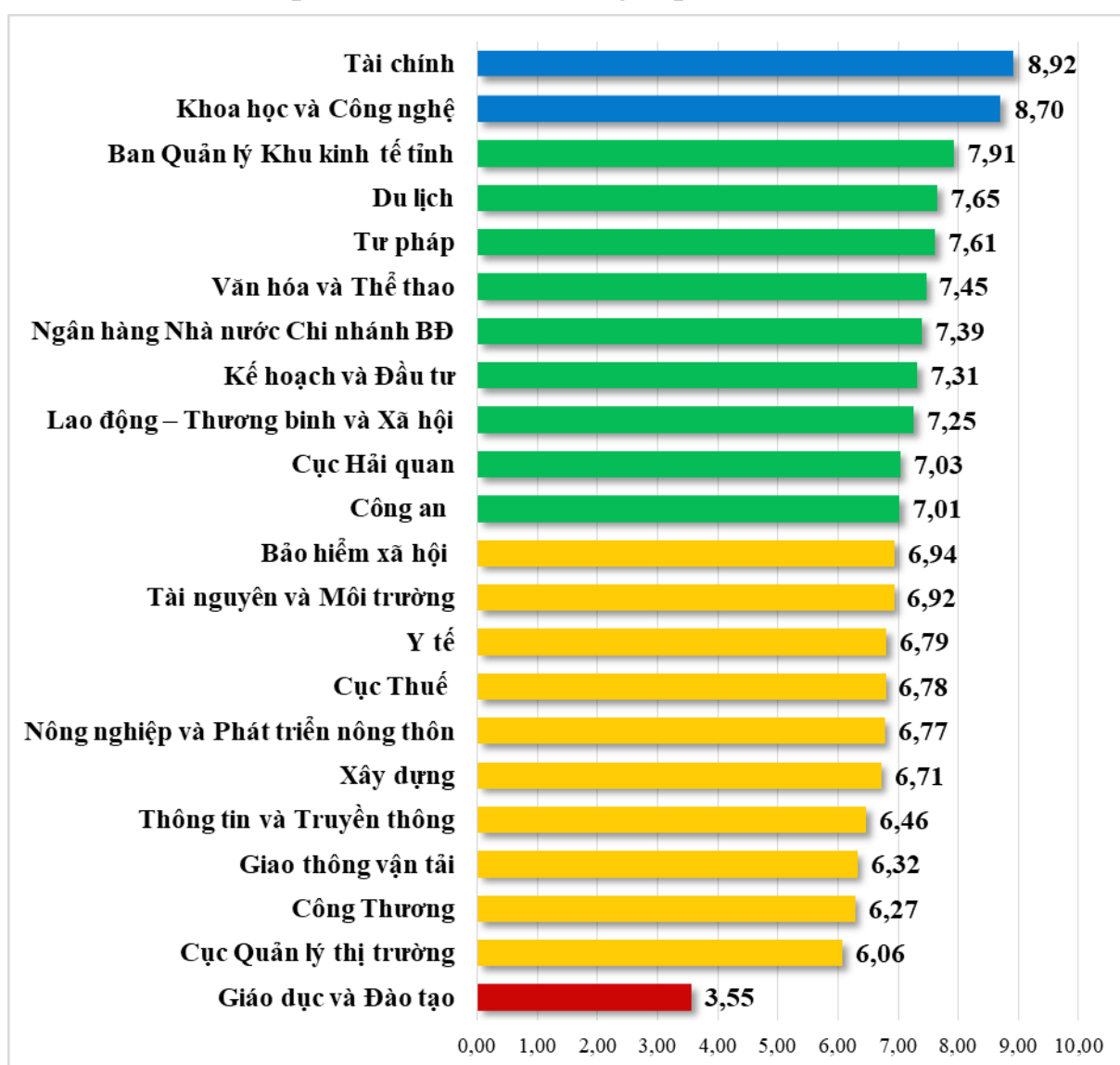


Hình 8: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” cấp Sở, ban, ngành

Chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” ghi nhận 2 cơ quan dẫn đầu bao gồm Sở KH&CN và Sở KH&ĐT với mức điểm trung bình 8,11 điểm; 2 cơ quan xếp cuối là Sở Y tế và Tư pháp với mức điểm trung bình đạt 6,36 điểm; điểm chỉ số đạt 7,45 điểm.

Chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” của Sở, ban, ngành được cộng đồng DN đánh giá khá cao, trong thời gian tới các cơ quan cần tiếp tục duy trì và cải thiện hơn nữa về bình đẳng trong tiếp cận tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, tiếp cận các nguồn vốn, tiếp cận các nguồn lực nhà nước để góp phần cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh ngày càng tốt hơn.

2.2.6. Chỉ số thành phần “Hỗ trợ doanh nghiệp”

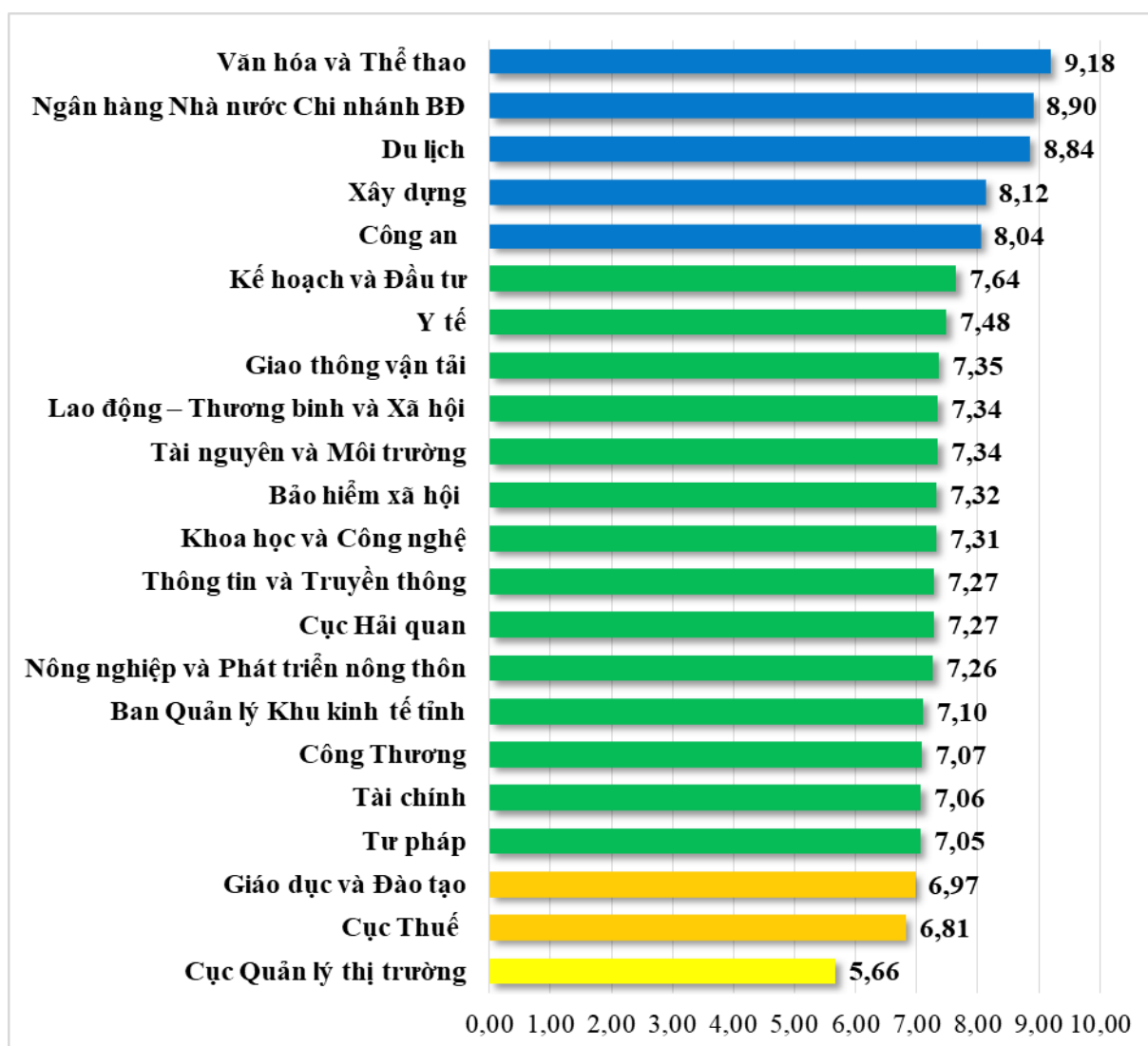


Hình 9: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” cấp Sở, ban, ngành

Chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” cấp Sở, ban, ngành năm 2023 có điểm trung bình là 6,97 điểm; trong đó, Sở Tài chính xếp đầu có điểm số là 8,92 điểm, xếp cuối là Sở GD&ĐT với 3,55 điểm, điểm chênh lệch giữa các đơn vị xếp đầu và xếp cuối là 5,37 điểm, mức chênh lệch rất lớn.

Trong năm 2023, DN đánh giá Sở, ban, ngành chưa có sự quan tâm cần thiết đến các DN, do đó việc tổ chức các chương trình hỗ trợ (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) hoặc tổ chức các buổi đối thoại với DN chưa được triển khai rộng rãi và thường xuyên.

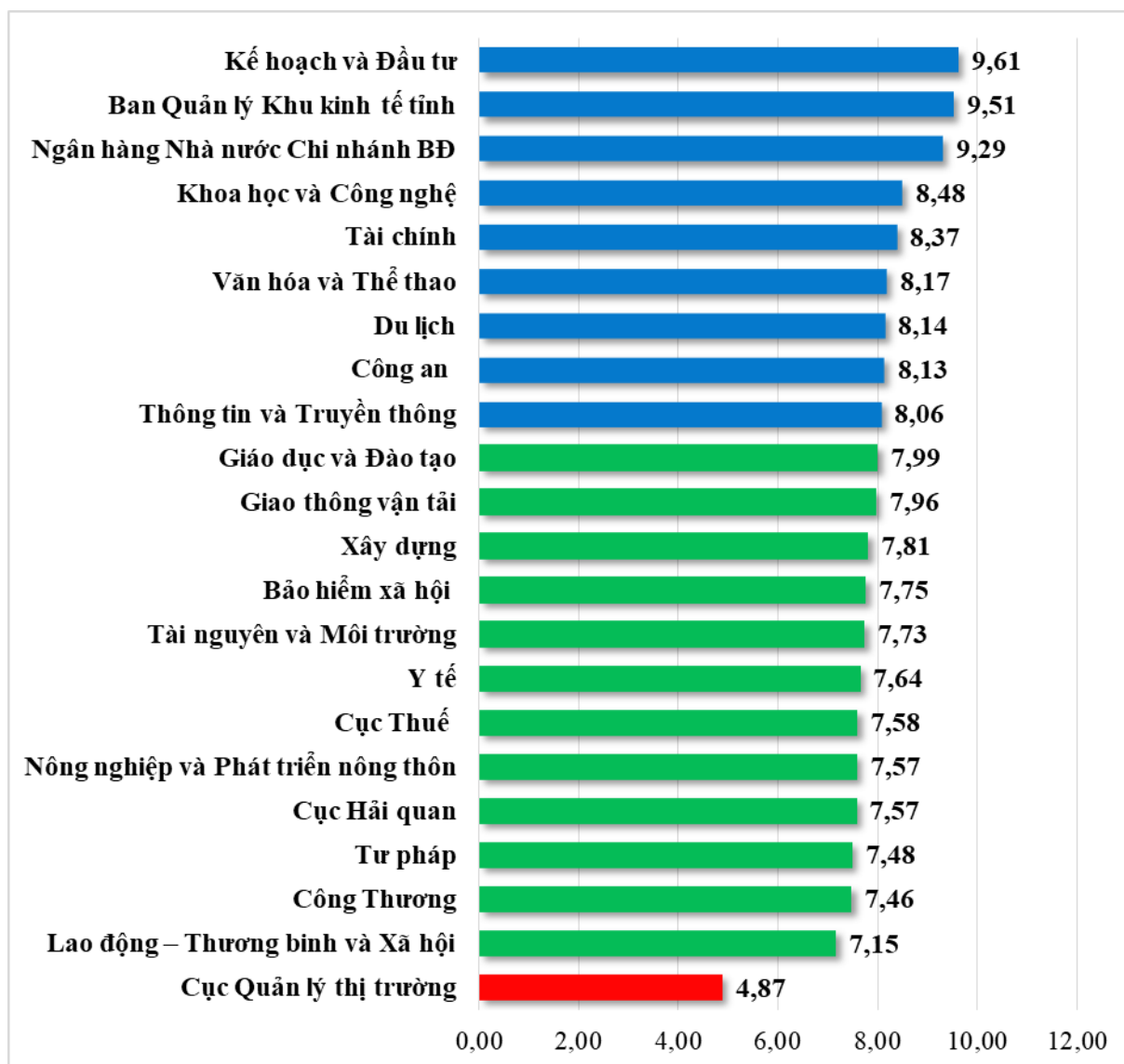
2.2.7. Chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý”



**Hình 10: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Thiết chế pháp lý”
cấp Sở, ban, ngành**

Chỉ số “Thiết chế pháp lý” cấp Sở, ban, ngành năm 2023 ghi nhận 5 cơ quan xếp loại rất tốt là: Sở VH&TT, NHNN, Sở Du lịch, Xây dựng và Công an tỉnh với trung bình 8,62 điểm. 2 cơ quan xếp cuối là Cục Thuế tỉnh và Cục QLTT với trung bình 6,24 điểm.

2.2.8. Chỉ số thành phần “Vai trò người đứng đầu”



Hình 11: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Vai trò người đứng đầu” cấp Sở, ban, ngành

Năm 2023, các DN ghi nhận cao “Vai trò người đứng đầu” của 3 cơ quan là Sở KH&ĐT, BQL KKT và NHNN, ở mức điểm trên 9. Ngược lại, cơ quan chưa nhận được đánh giá cao của các DN là Cục QLTT, khoảng cách điểm giữa cơ quan đứng đầu và cuối chênh lệch khá cao 4,74 điểm.

2.2.9. Các vấn đề khó khăn của doanh nghiệp về môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh

- Khó khăn về tuyển dụng công nhân có tay nghề trong lĩnh vực may mặc; Nguồn lao động tại địa phương hạn chế, không có chuyên môn để đảm bảo trong sản xuất (Lực lượng lao động đa phần đã đi làm ở các thành phố lớn); Chưa biết kênh tiếp cận thông tin liên quan đến lĩnh vực đang đầu tư và sự hỗ trợ DN trong quá trình triển khai dự án; Sau khi có quyết định giao đất, cho thuê đất, chưa có ngay đơn giá tính tiền sử dụng đất mà phải chờ đơn vị thẩm định giá dẫn đến tình trạng chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính và đưa đất vào sử dụng; Khó khăn

về đơn hàng so với những năm trước đây; nguồn nguyên liệu tăng; chi phí tăng nhưng giá sản phẩm giảm; Luật cạnh tranh chưa siết chặt, Lao động chất lượng cao còn thiếu, mặt bằng lương thấp nên chưa thu hút lao động có trình độ cao nhiều; Kỳ điều chỉnh giá quá gần (xăng dầu); Khó thuê mặt bằng thuận lợi với giá thuê hợp lý; Thiếu cơ chế hỗ trợ, chia sẻ thông tin, chính sách mới hiệu quả; Thuế phí cao, chính sách thiếu ổn định, khó nắm bắt; Không tìm ra đối tác thuê kho, phòng; Khó huy động vốn, khó tiếp cận nguồn cung tín dụng;

- Liên quan đến dịch vụ du lịch, nhiều cá nhân tổ chức không có giấy phép kinh doanh hoặc chứng chỉ hành nghề, tự do làm dịch vụ kém chất lượng hoặc chặt chém giá làm mất hình ảnh, ấn tượng du lịch Bình Định; Các công ty lữ hành chưa thống nhất được mức giá chung còn cạnh tranh quyết liệt lẫn nhau; Khách sạn có mức giá khá cao so với các tỉnh du lịch khác; Vé máy bay giá cao, cần khai thác thêm đường bay đến các tỉnh mới. Không có sự mới mẻ trong các tuyến điểm du lịch, có sự phá giá giữa các DN; Không có sự đồng nhất trong công tác quản lý thuế giữa các huyện trong tỉnh; Các xe khách lấy phù hiệu hợp đồng ở các tỉnh phía Nam để không nộp thuế rồi về địa bàn tỉnh Bình Định hoạt động gây rối loạn trật tự vận tải và mất công bằng cho DN trong tỉnh.

- Khó tiếp cận các dịch vụ công điện tử, thủ tục còn lằng lằng giữa trực tuyến và phải nộp bản giấy; Nhiều thủ tục chồng chéo, gây phiền hà cho DN; Khó khăn khi thực hiện đăng ký hoạt động giáo dục cho Trung tâm Ngoại ngữ có vốn FDI; Quy định, chính sách, biểu mẫu kê khai, thủ tục hành chính thay đổi quá nhiều và không cần thiết dẫn đến DN phải thay đổi theo mất thời gian và chi phí; Hệ thống pháp luật phức tạp, thanh kiểm tra chồng chéo, kiểm tra nhiều lần trên năm gây tâm lý cho DN nhỏ; Hỗ trợ của Nhà nước chưa đồng bộ, thống nhất; Thủ tục cấp phép, phê duyệt dự án kéo dài;

- Đầu vào, nguồn nguyên vật liệu tăng cao trong chi phí sản xuất (điện, nước, các vật dụng cần thiết để sản xuất). Đầu ra, khó khăn trong tìm kiếm khách hàng tiêu thụ, khó khăn tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới;

- Đối với lĩnh vực ngân hàng: Việc kết nạp thành viên phải được thông qua Đại hội thành viên là rất khó khăn cho người dân tiếp cận vốn vay tại quỹ tín dụng nhân dân; Việc đóng góp Quỹ phòng chống thiên tai một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo Báo cáo tài chính lập ngày 31/12 hàng năm là cao, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của quỹ tín dụng nhân dân.

2.2.10. Các đề xuất của doanh nghiệp nhằm cải thiện năng lực điều hành của sở, ban, ngành và cải thiện môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh

- Cần cải thiện nộp hồ sơ online 100% và nộp phí chuyển khoản; Quan tâm sâu sắc về môi trường đầu tư, thu hút đầu tư ngoài tỉnh, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, liên quan đến hoạt động đầu tư, tạo môi trường thông thoáng minh bạch, bình đẳng, tạo hiệu quả đầu tư; Công bố minh bạch, rõ ràng các thông tin về Sở, ban ngành nhằm giúp DN hoạt động hiệu quả hơn; UBND tỉnh và các sở, ban, ngành khi góp ý các dự thảo Luật, Nghị định, Thông tư cần lưu ý tính kết nối và đồng nhất nội dung; UBND tỉnh có các văn bản, quyết định hướng dẫn cụ

thể và kịp thời các văn bản pháp luật mới ban hành. UBND tỉnh giao các sở, ban, ngành giải quyết các kiến nghị của DN phải có thời gian cụ thể; UBND tỉnh cần ban hành văn bản hướng dẫn hoặc chỉ đạo các sở, ngành tăng cường phối hợp, kịp thời tìm cách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho DN; UBND tỉnh hỗ trợ tài chính, cắt giảm chi phí, lệ phí để DN hoạt động thuận lợi hơn; Lãnh đạo tỉnh cần thường xuyên tổ chức các buổi tham vấn đối thoại với DN từ đó có biện pháp can thiệp bằng cách đưa ra các giải pháp cho từng trường hợp cụ thể; Kiến nghị Chính phủ điều chỉnh phương thức mua bán trong hợp đồng thương mại với bên nước ngoài nhằm tiết giảm chi phí cho DN; tạo điều kiện để ngành logistics Việt Nam phát triển theo định hướng của Chính phủ;

- Quan tâm đào tạo nghề đối với nhân lực tại địa bàn huyện Vân Canh và vùng phụ cận; tăng cường thu hút lao động lành nghề, chuyên môn cao về địa phương làm việc; Đề nghị không hạn chế số người nước ngoài đến làm việc, đào tạo lao động tại công ty;

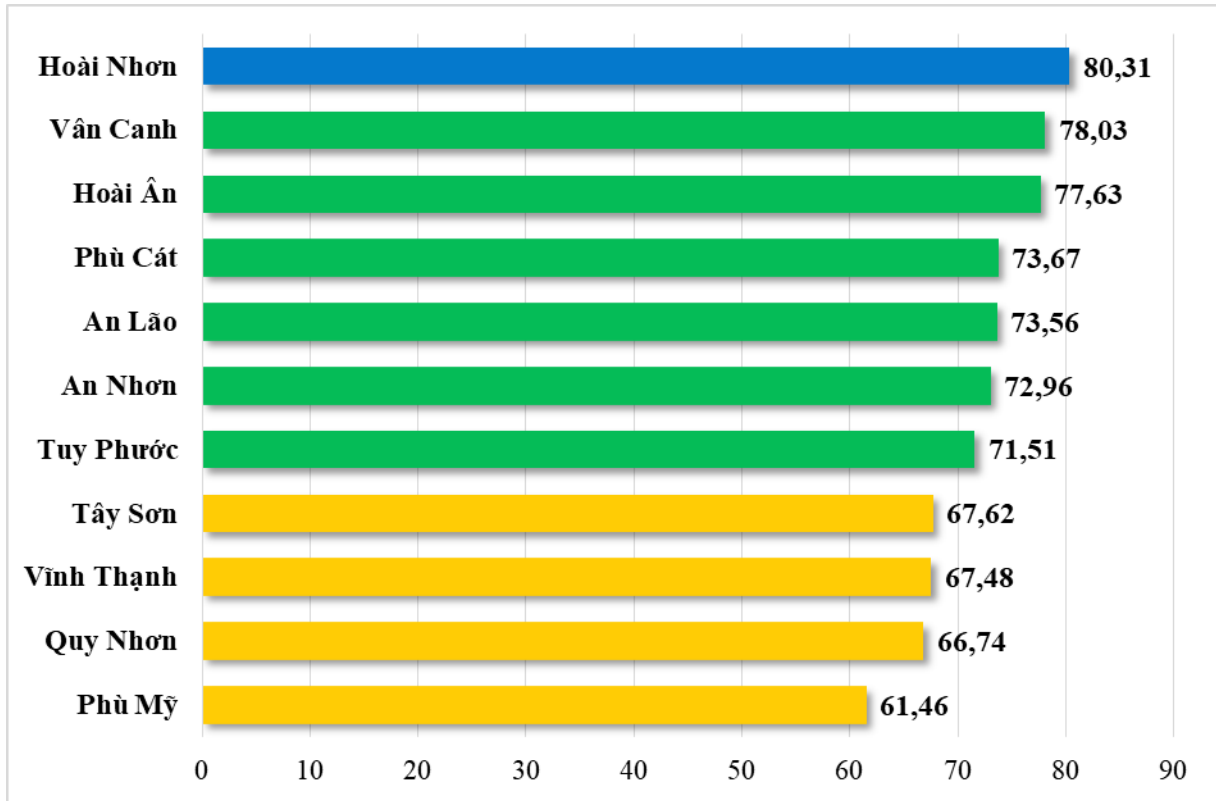
- Đề nghị Sở, ban, ngành phối hợp cùng DN trong công tác tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ quy định pháp luật về quy hoạch, xây dựng; Mở các cuộc họp giữa các DN nhằm có tiếng nói chung; Tăng cường đưa ra thông báo chỉ thị phù hợp trên nền tảng công nghệ 4.0 để DN kịp thời nắm bắt; Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, nhằm quảng bá hỗ trợ giới thiệu sản phẩm đến tay người tiêu dùng được thuận lợi và càng rộng rãi; Kịp thời thông báo các chính sách mới; tuyên truyền nâng cao nhận thức về pháp luật; hỗ trợ DN kịp thời điều chỉnh các thiếu sót để kinh doanh hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế; Thống nhất đưa ra các biểu mẫu, quy trình thủ tục cố định để DN sử dụng xuyên suốt, tránh sai sót khi thực hiện và mất thời gian cập nhật không cần thiết; Cần có những văn bản hướng dẫn về pháp luật đất đai, cập nhật thường xuyên lên trang web của tỉnh, sở, ngành;

- Đề nghị giảm thuế mức thấp nhất có thể để hỗ trợ DN vượt qua khó khăn; BHXH gia hạn thời gian đóng bảo hiểm cho nhân viên để hỗ trợ khó khăn DN; Kích hoạt các gói tín dụng trả chậm và tạo điều kiện để DN tiếp cận nguồn vốn vay duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo nguồn nguyên liệu trong sản xuất.

Chương 3

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG

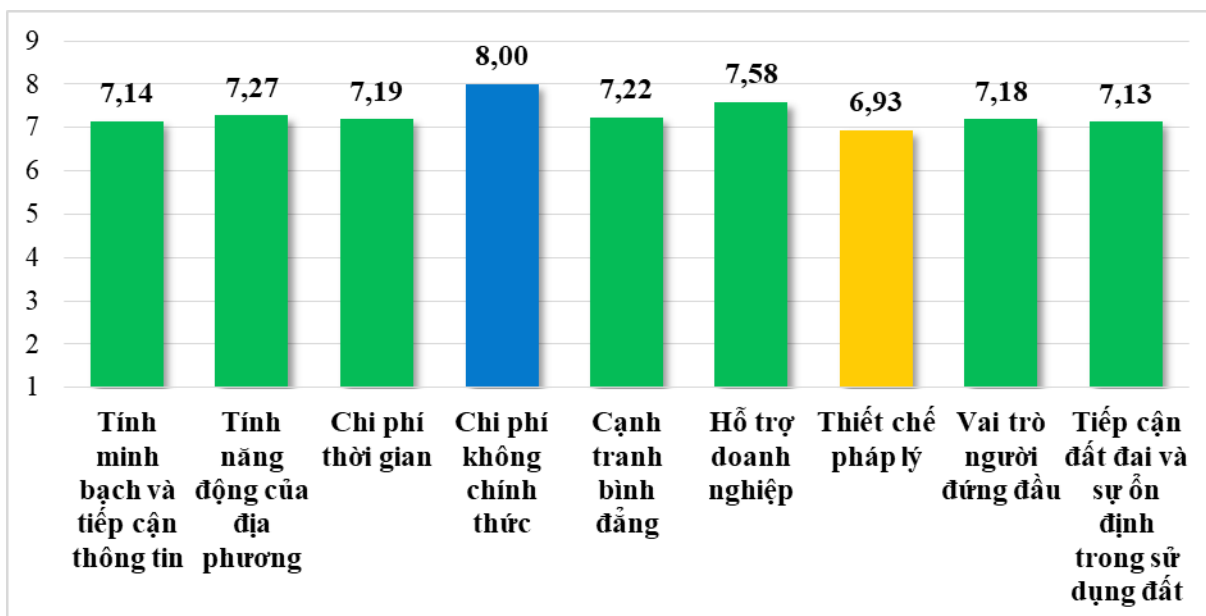
3.1. Kết quả xếp hạng DDCI cấp Địa phương tỉnh Bình Định năm 2023



Hình 12: Điểm số và xếp hạng chỉ số DDCI cấp Địa phương tỉnh Bình Định năm 2023

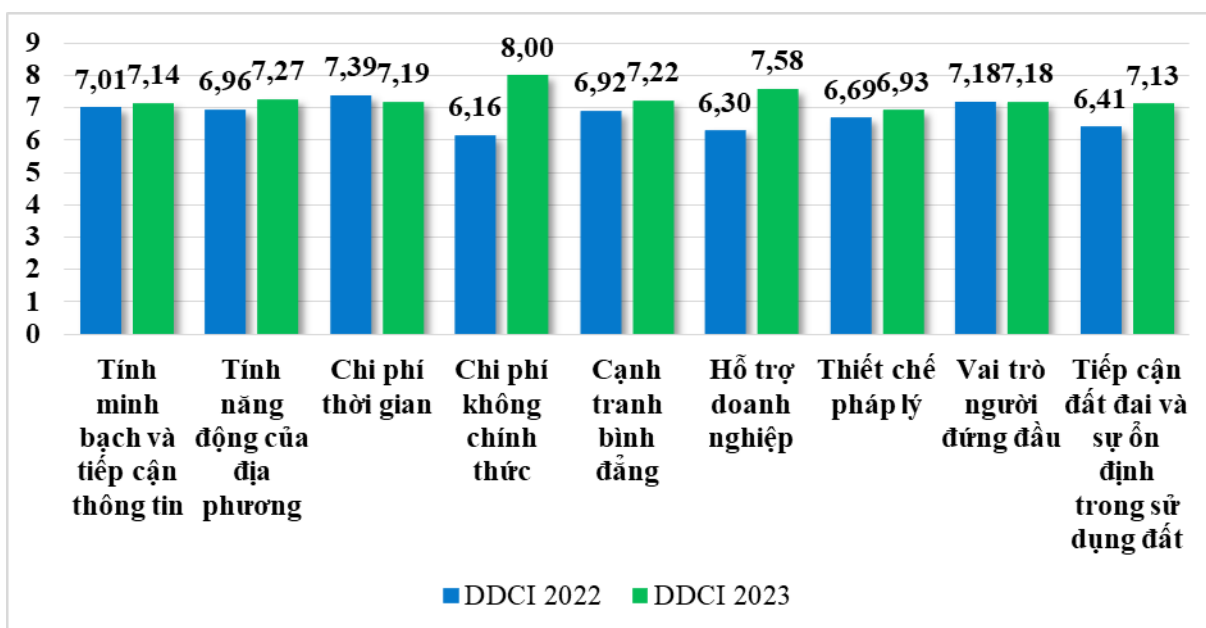
Bảng xếp hạng DDCI cấp Địa phương tỉnh Bình Định năm 2023 được khảo sát đánh giá, ghi nhận mức độ nỗ lực và hành động, cải thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh của môi trường đầu tư kinh doanh địa phương với điểm đạt là 72,96 điểm. Điểm số này cao hơn điểm số của cấp Sở, ban, ngành (72,48 điểm). Điều này cho thấy cấp Địa phương về cơ bản được các DN đánh giá cao hơn cấp Sở, ban, ngành.

Bảng xếp hạng DDCI cấp Địa phương ghi nhận thị xã Hoài Nhơn xếp thứ 1 với điểm số đạt 80,31 điểm, xếp thứ 2 là huyện Vân Canh với điểm số 78,03 điểm, huyện Hoài Ân xếp thứ 3 với tổng điểm 77,63 điểm. 2 địa phương xếp cuối là thành phố Quy Nhơn và huyện Phù Mỹ với điểm số trung bình đạt 64,1 điểm. Khoảng cách điểm giữa địa phương xếp đầu và địa phương xếp cuối là 18,85 điểm, điều này phản ánh chất lượng điều hành kinh tế giữa các địa phương không đồng đều.



Hình 13: Điểm số các chỉ số thành phần DDCI cấp Địa phương năm 2023

Có thể thấy hầu hết các chỉ số đều ở mức điểm khá cao, chỉ số xếp cao nhất là “Chi phí không chính thức” có điểm số đạt 8,0 điểm; chỉ số thành phần thấp nhất là “Thiết chế pháp lý” có điểm số đạt 6,93 điểm.

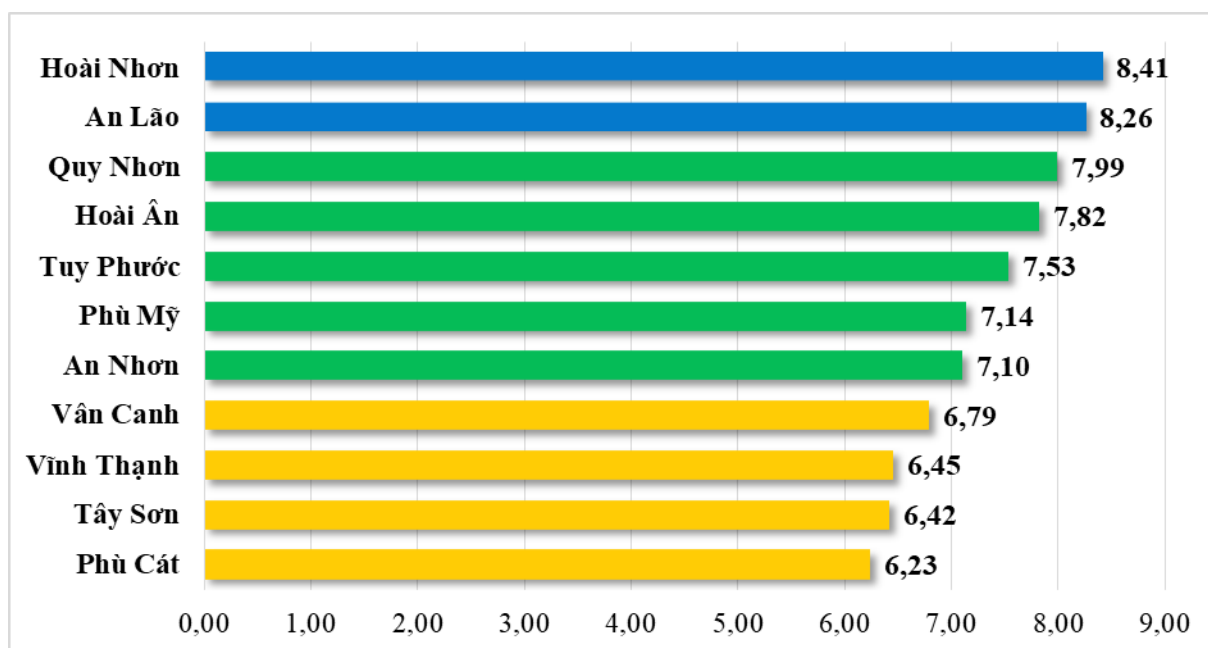


Hình 14: So sánh điểm số các chỉ số thành phần DDCI cấp Địa phương tỉnh Bình Định năm 2023 với năm 2022

Năm 2023, cộng đồng DN đánh giá năng lực điều hành của cấp Địa phương có sự cải thiện tích cực ở 7/9 chỉ số thành phần DDCI; trong đó, các chỉ số cải thiện rõ nhất gồm: “Chi phí không chính thức” tăng 1,84 điểm và “Hỗ trợ doanh nghiệp” tăng 1,28 điểm; ngược lại, chỉ số “Chi phí thời gian” giảm 0,2 điểm.

3.2. Kết quả xếp hạng 9 chỉ số thành phần DDCI cấp Địa phương tỉnh Bình Định năm 2023

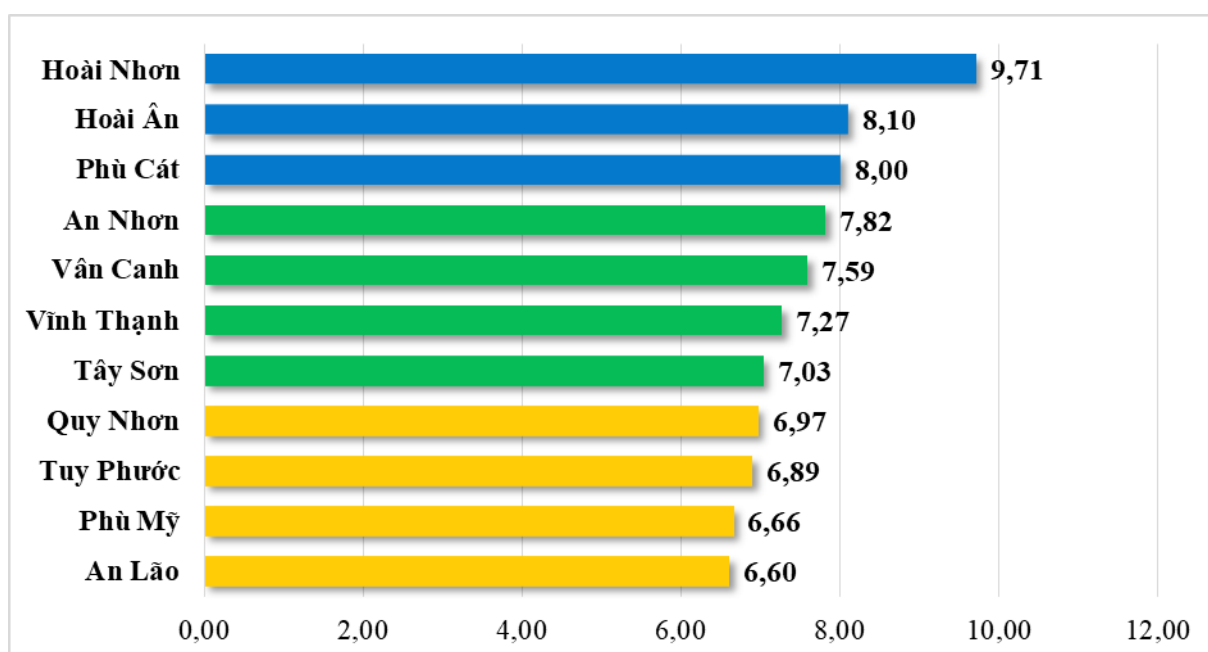
3.2.1. Chỉ số thành phần “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”



Hình 15: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” cấp Địa phương

Năm 2023, điểm chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” cấp Địa phương tỉnh Bình Định đạt 7,14 điểm, xếp đầu là thị xã Hoài Nhơn đạt 8,41 điểm, xếp cuối là huyện Phù Cát đạt 6,23 điểm.

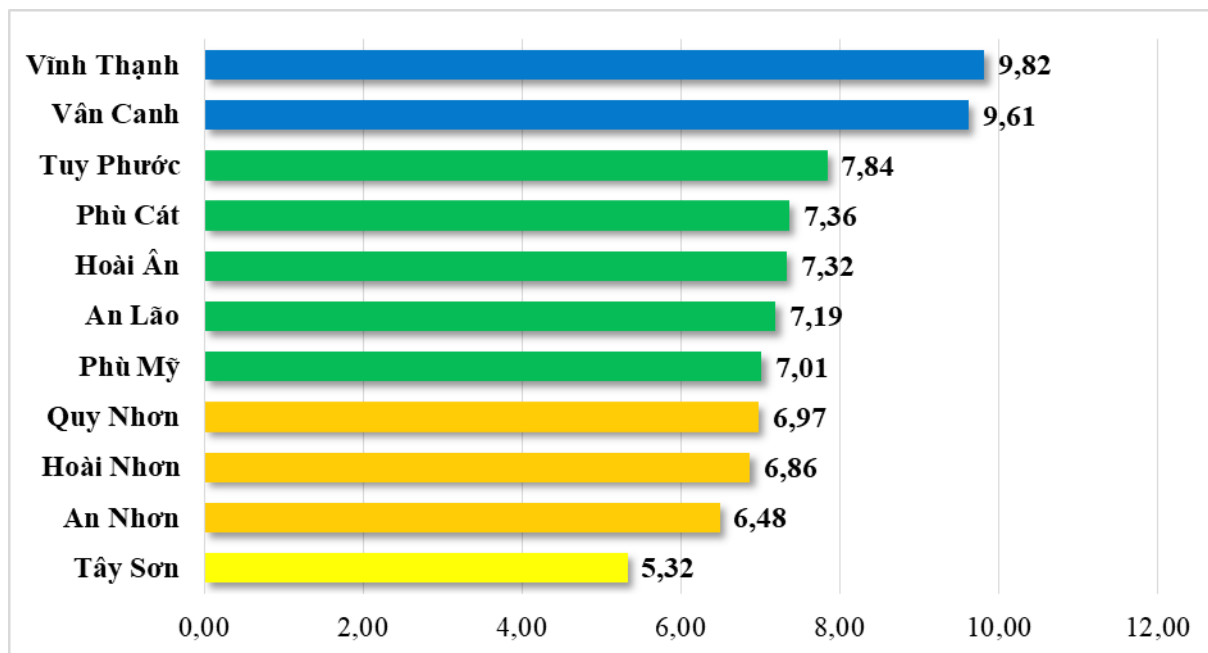
3.2.2. Chỉ số thành phần “Tính năng động của địa phương”



Hình 16: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Tính năng động của địa phương” cấp Địa phương

Điểm chỉ số “Tính năng động của địa phương” cấp Địa phương tỉnh Bình Định năm 2023 đạt 7,27 điểm, tăng 0,31 điểm so với năm 2022. Địa phương xếp đầu là thị xã Hoài Nhơn với 9,71 điểm, huyện An Lão xếp cuối với 6,6 điểm. Như vậy có sự chênh lệch tương đối lớn giữa địa phương xếp đầu và địa phương xếp cuối (chênh 3,11 điểm).

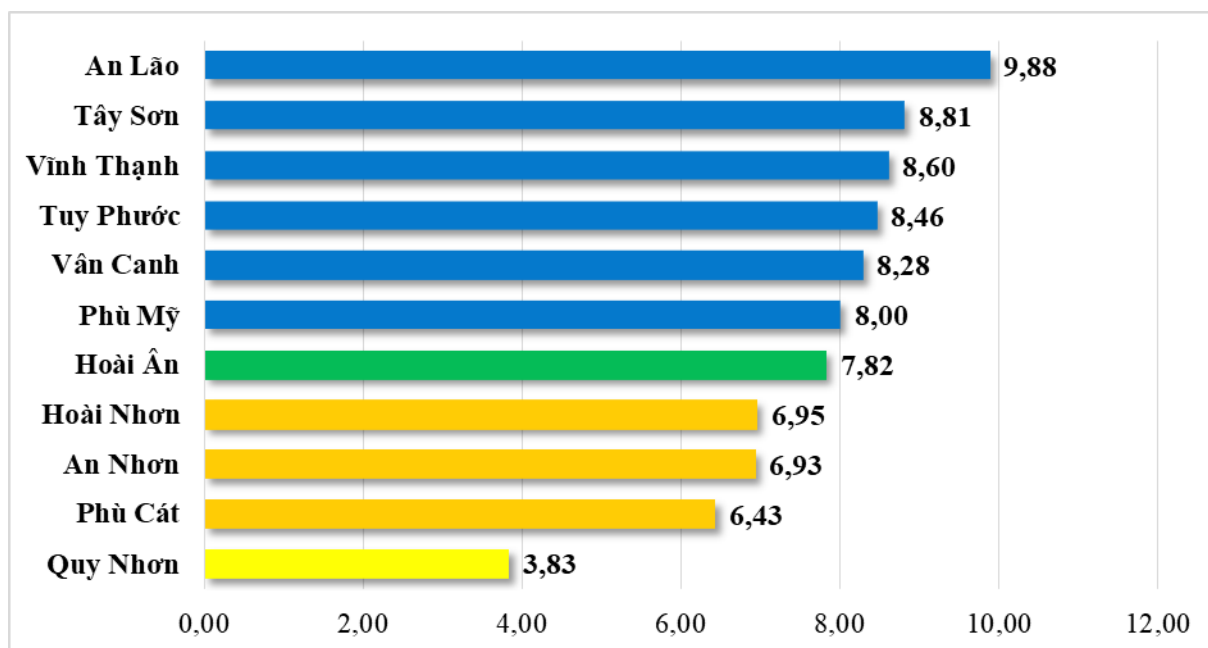
3.2.3. Chỉ số thành phần “Chi phí thời gian”



Hình 17: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Chi phí thời gian” cấp Địa phương

Điểm chỉ số “Chi phí thời gian” cấp Địa phương tỉnh Bình Định năm 2023 có điểm trung bình 7,19 điểm, giảm 0,2 điểm so với năm 2022. Địa phương xếp đầu là huyện Vĩnh Thạnh đạt 9,82 điểm, trong khi huyện Tây Sơn xếp cuối chỉ đạt 5,32 điểm. Như vậy có sự chênh lệch tương đối khá giữa địa phương đứng đầu và địa phương xếp cuối (chênh 4,5 điểm).

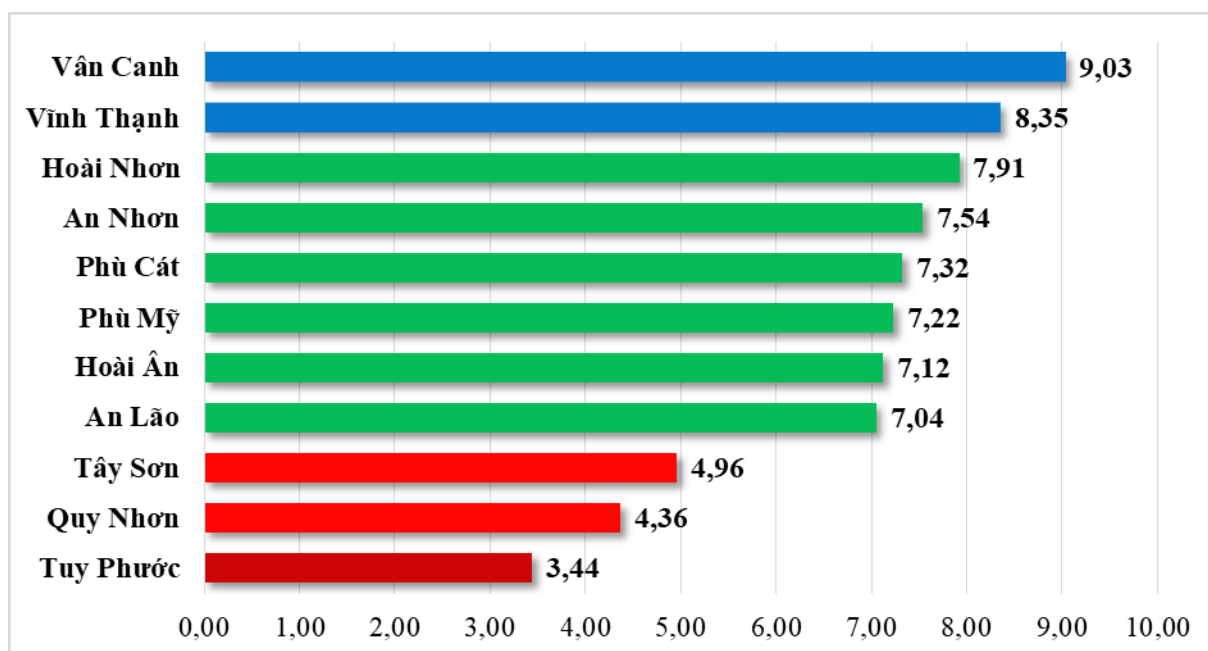
3.2.4. Chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức”



Hình 18: Điểm số và xếp hạng “Chi phí không chính thức” cấp Địa phương

Về chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” cấp Địa phương đạt 8,0 điểm, tăng 1,84 điểm so với năm 2022. Địa phương xếp đầu là huyện An Lão với 9,88 điểm, xếp cuối là thành phố Quy Nhơn với 3,83 điểm. Như vậy có sự chênh lệch khá lớn giữa địa phương đứng đầu với địa phương xếp cuối (chênh 6,05 điểm).

3.2.5. Chỉ số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng”



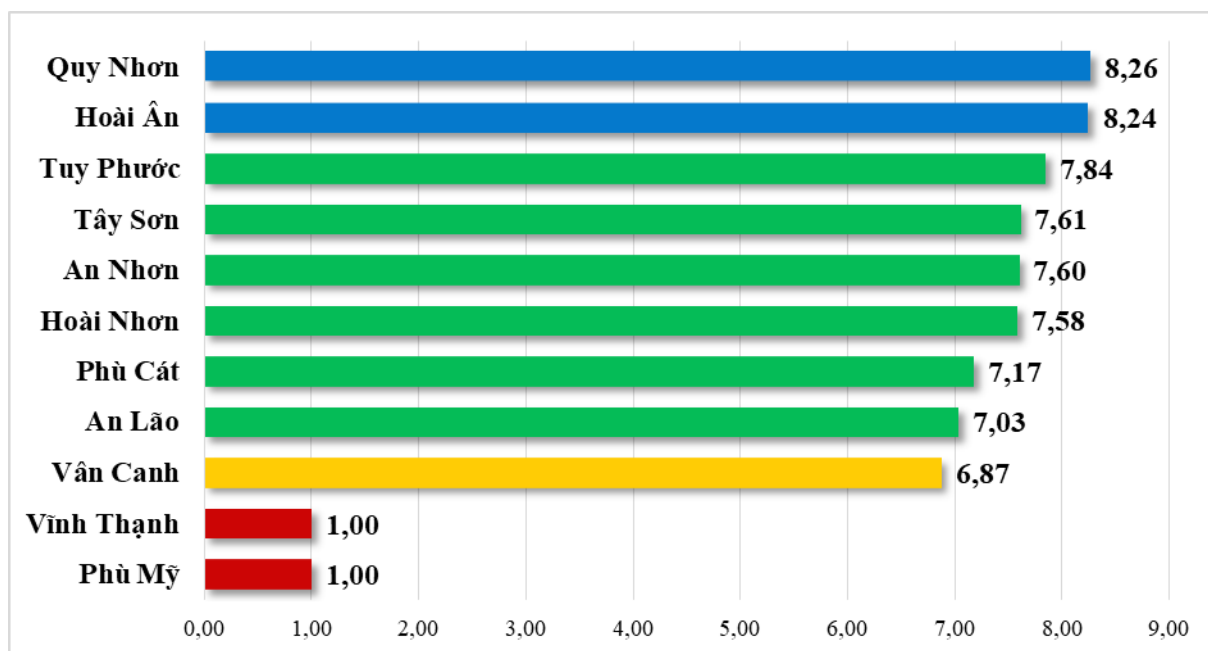
Hình 19: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” cấp Địa phương

Về chỉ số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng” cấp Địa phương đạt 7,22 điểm, tăng 0,3 điểm so với năm 2022, huyện Vân Canh xếp thứ đầu tiên với 9,03

điểm, địa phương xếp cuối là huyện Tuy Phước với 3,44 điểm, có sự chênh lệch rất lớn giữa địa phương xếp đầu và địa phương xếp cuối (chênh 5,59 điểm).

Chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” của địa phương được cộng đồng DN đánh giá khá cao, trong thời gian tới các địa phương cần tiếp tục duy trì và cải thiện hơn nữa về bình đẳng trong tiếp cận tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, tiếp cận các nguồn vốn, tiếp cận các nguồn lực nhà nước để góp phần cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh ngày càng tốt hơn.

3.2.6. Chỉ số thành phần “Hỗ trợ doanh nghiệp”

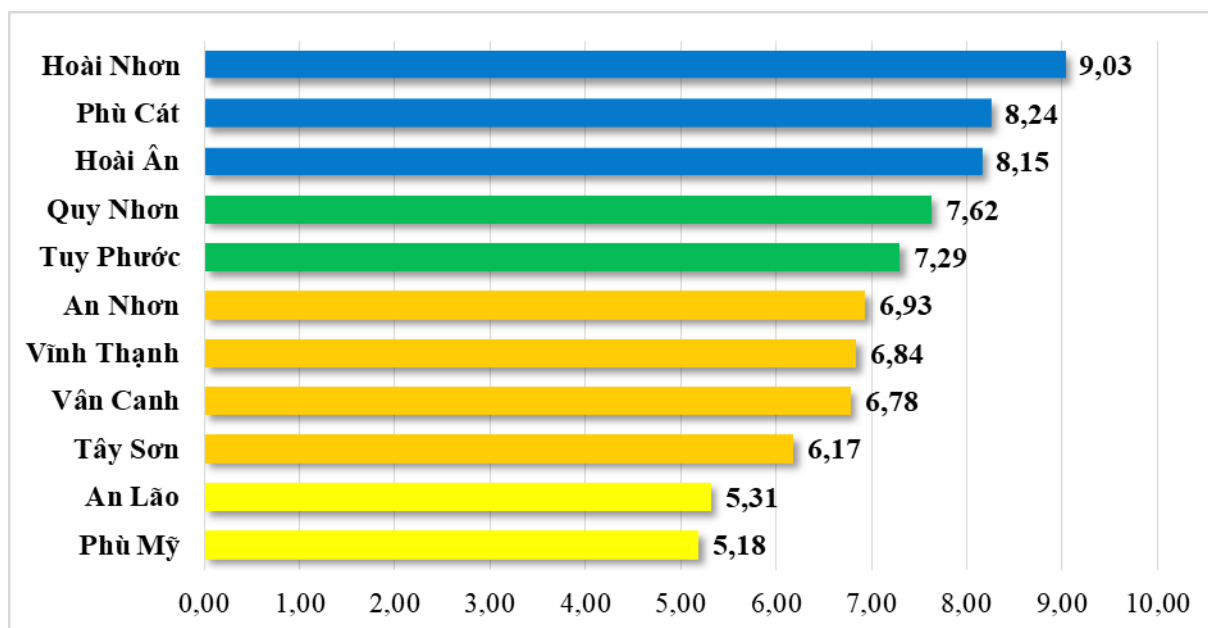


Hình 20: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” cấp Địa phương

Điểm số chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” cấp Địa phương tỉnh Bình Định năm 2023 đạt 7,58 điểm, tăng 1,28 điểm so với năm 2022. Thành phố Quy Nhon là địa phương được các DN đánh giá cao nhất trong công tác hỗ trợ DN đạt 8,26 điểm. Xếp 2 vị trí cuối bảng là huyện Vĩnh Thạnh và huyện Phù Mỹ với 1,0 điểm.

Năm 2023, DN đánh giá địa phương đã có sự quan tâm hơn đến các DN trong việc tổ chức các chương trình hỗ trợ (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) hoặc tổ chức các buổi đối thoại với DN.

3.2.7. Chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý”

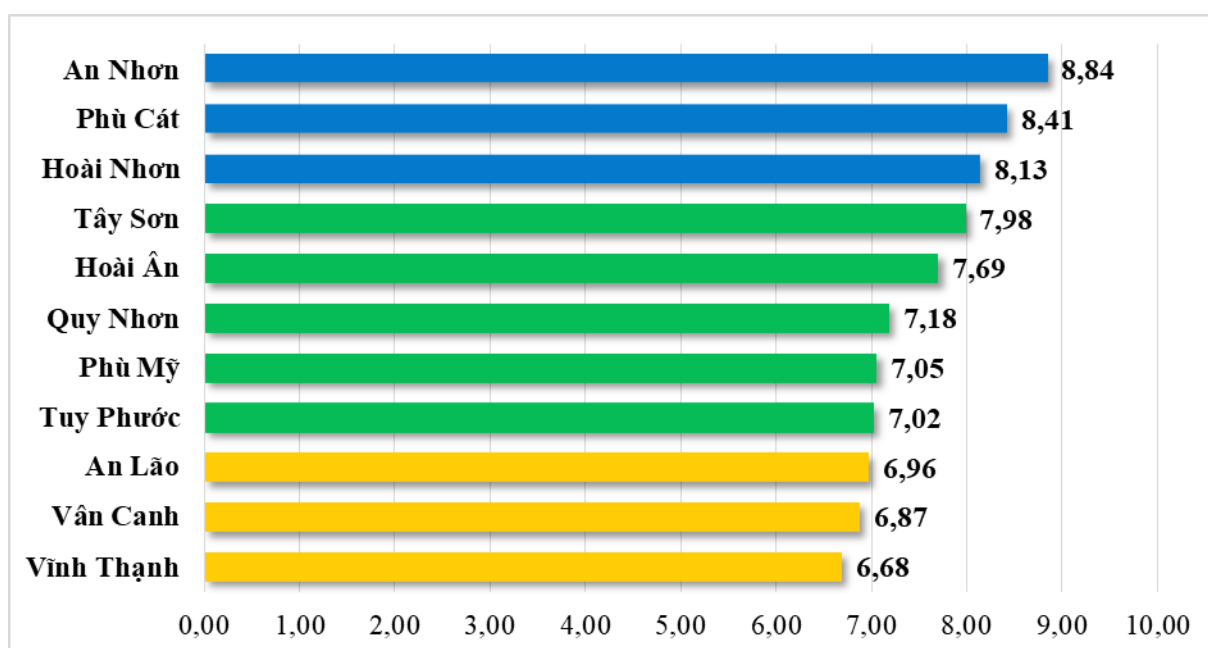


Hình 21: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Thiết chế pháp lý” cấp Địa phương

Điểm số trung bình của chỉ số “Thiết chế pháp lý” cấp Địa phương đạt 6,93 điểm, tăng 0,24 điểm so với năm 2022. Thị xã Hoài Nhơn được các DN đánh giá cao nhất trong công tác thực thi văn bản pháp luật đạt 9,03 điểm; Xếp vị trí cuối bảng là huyện Phù Mỹ với 5,18 điểm.

Chỉ số “Thiết chế pháp lý” năm 2023 nhận được sự đánh giá tốt hơn năm 2022, tuy nhiên vẫn là một trong những chỉ số có điểm đánh giá thấp nhất trong 9 chỉ số thành phần DDCI.

3.2.8. Chỉ số thành phần “Vai trò người đứng đầu”

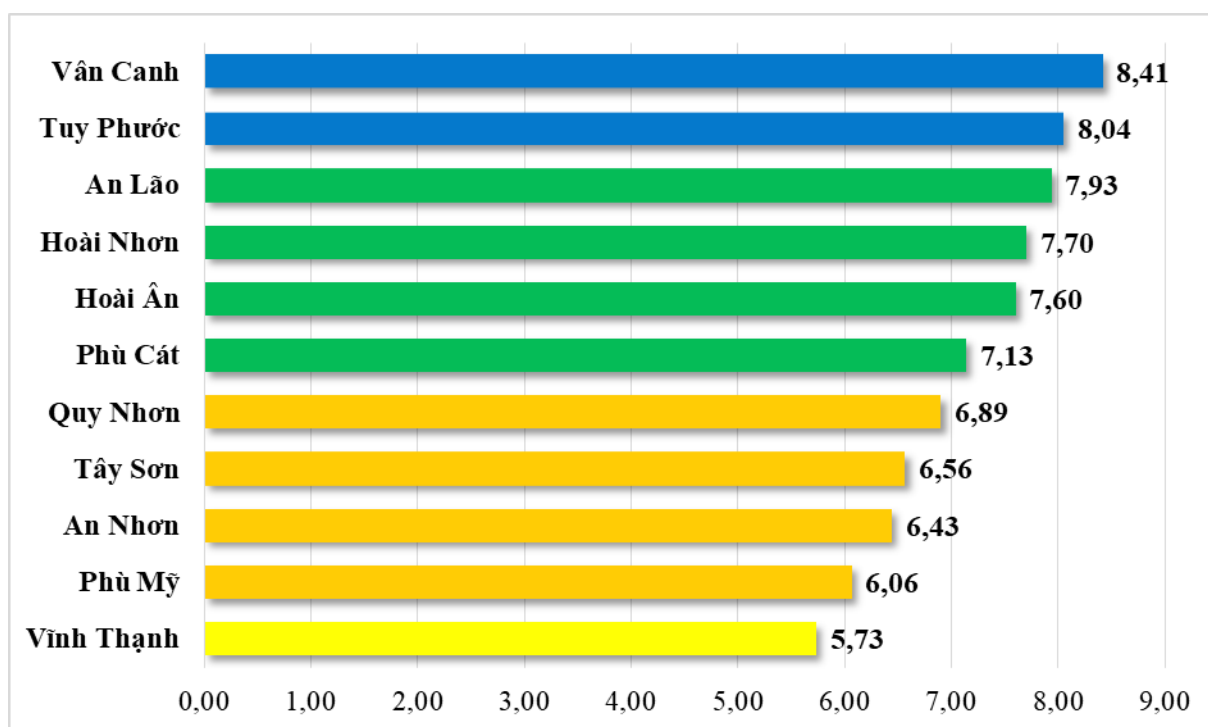


Hình 22: Điểm số và xếp hạng chỉ số “Vai trò người đứng đầu” cấp Địa phương

Điểm số trung bình của chỉ số “Vai trò người đứng đầu” cấp Địa phương năm 2023 đạt 7,18 điểm bằng điểm với năm 2022. Thị xã An Nhơn là địa phương được các DN đánh giá cao nhất, đạt 8,84 điểm; xếp vị trí cuối bảng là huyện Vĩnh Thạnh với 6,68 điểm.

Chỉ số “Vai trò người đứng đầu” về mặt tổng thể nhận được sự đánh giá của các DN ở mức tốt, có sự chênh lệch tương đối giữa địa phương xếp đầu với địa phương xếp cuối.

3.2.9. Chỉ số thành phần “Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất”



Hình 23: Điểm số và xếp hạng phần “Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất” cấp Địa phương

Điểm số trung bình của chỉ số “Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất” cấp Địa phương đạt 7,13 điểm, tăng 0,72 điểm so với năm 2022. Địa phương xếp đầu là huyện Vân Canh đạt 8,41 điểm; địa phương xếp cuối là huyện Vĩnh Thạnh với 5,73 điểm.

Xét chi tiết các chỉ tiêu của chỉ số “Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất”, địa phương nhận được đánh giá tích cực từ các DN. Tuy nhiên, trong thời gian tới địa phương cần cải thiện hơn nữa chỉ tiêu “Chính quyền địa phương công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương”, “Chính quyền địa phương chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương”.

3.2.10. Các vấn đề khó khăn của doanh nghiệp về môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh

- Thiếu hướng dẫn làm thế nào để tiếp cận, mở rộng thị trường tiêu thụ, tìm kiếm nguồn khách hàng tiềm năng, mở rộng nguồn hàng và đặc biệt là tìm được nguồn nhân lực phù hợp với các tiêu chí kinh doanh của DN; Nguồn vốn đầu tư

mở rộng còn thiếu; Thiếu đất để mở rộng sản xuất; Kinh tế khó khăn làm giảm nguồn khách hàng; Thị trường ngày càng cạnh tranh; Vướng mắc về thuê đất làm trụ sở, kho và quầy trưng bày sản phẩm (hợp tác xã); Thuế ngày càng tăng;

- Thủ tục hành chính đã được tinh chỉnh nhưng vẫn còn chồng chéo, phiền hà; điều kiện kinh doanh chồng chéo, không minh bạch hoặc can thiệp sâu vào quyền tự quyết của DN; Thủ tục theo cơ chế 1 cửa chưa thực sự tốt khi DN phải nộp kèm bản giấy, hệ thống công nghệ thông tin bị nghẽn, chưa liên thông giữa các ngành; Hiện tại việc đấu thầu trong xây dựng gặp rất nhiều khó khăn, ít thuận lợi trong công việc.

3.2.11. Các đề xuất của doanh nghiệp nhằm cải thiện năng lực điều hành của địa phương và cải thiện môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh

- Cần hỗ trợ cơ chế quản bá sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử, các siêu thị; Có cơ chế hoặc chính sách hỗ trợ về thuế; Thực hiện tốt hơn nữa công tác cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính nhanh chóng để DN mạnh dạn đầu tư, kinh doanh; Kịp thời triển khai các chính sách hỗ trợ DN; Tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức về các chính sách pháp luật mới liên quan; Tăng cường phổ biến các nội dung về việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh cho DN; Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế kinh doanh; tăng cường tư pháp và thực thi pháp luật; Mở rộng các cuộc hội thảo chia sẻ kinh nghiệm giải quyết các khó khăn theo từng loại hình kinh doanh; Thường xuyên mở các cuộc đối thoại với địa phương để giải đáp các thắc mắc, nguyện vọng của cơ sở; Cần nghiêm túc trong công tác quản lý các đơn vị kinh doanh không có giấy phép.

Chương 4

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kết quả DDCI tỉnh Bình Định năm 2023 cho thấy tổng thể tỉnh có những ưu điểm và hạn chế trong quản lý, điều hành cấp Sở, ban, ngành và Địa phương. Cụ thể:

Thứ nhất: Đối với cấp Sở, ban, ngành

- Xếp hạng DDCI tỉnh Bình Định năm 2023 cấp Sở, ban, ngành như sau: (1) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Định, (2) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (3) Sở Khoa học và Công nghệ, (4) Sở Văn hóa và Thể thao, (5) Sở Du lịch, (6) Sở Tài chính, (7) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, (8) Bảo hiểm xã hội, (9) Sở Xây dựng, (10) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (11) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, (12) Sở Thông tin và Truyền thông, (13) Công an tỉnh, (14) Sở Công Thương, (15) Sở Tư pháp, (16) Sở Tài nguyên và Môi trường, (17) Sở Y tế, (18) Cục Thuế tỉnh, (19) Cục Hải quan tỉnh, (20) Sở Giao thông vận tải, (21) Sở Giáo dục và Đào tạo, (22) Cục Quản lý thị trường;

- Điểm số DDCI năm 2023 đạt 72,48 điểm, tăng 1,81 điểm so với năm 2022. Trong đó, 4 chỉ số thành phần cải thiện, 4 chỉ số thành phần suy giảm, cụ thể:

+ 4 chỉ số thành phần cải thiện, gồm: (1) Thiết chế pháp lý (tăng 0,42 điểm); (2) Hỗ trợ doanh nghiệp (tăng 0,73 điểm); (3) Vai trò người đứng đầu (tăng 1,06 điểm); (4) Cạnh tranh bình đẳng (tăng 1,87 điểm);

+ 4 chỉ số thành phần suy giảm, gồm: (1) Chi phí không chính thức (giảm 0,19 điểm); (2) Tính năng động của Sở, ban, ngành (giảm 0,2 điểm); (3) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (giảm 0,66 điểm); (4) Chi phí thời gian (giảm 1,26 điểm).

Thứ hai: Đối với cấp Địa phương

- Xếp hạng DDCI tỉnh Bình Định năm 2023 cấp Địa phương như sau: (1) thị xã Hoài Nhơn, (2) huyện Vân Canh, (3) huyện Hoài Ân, (4) huyện Phù Cát, (5) huyện An Lão, (6) thị xã An Nhơn, (7) huyện Tuy Phước, (8) huyện Tây Sơn, (9) huyện Vĩnh Thạnh, (10) thành phố Quy Nhơn, (11) huyện Phù Mỹ;

- Điểm số DDCI năm 2023 đạt 72,96 điểm, tăng 5,23 điểm so với năm 2022. Trong đó, 7 chỉ số thành phần cải thiện, 1 chỉ số thành phần giữ nguyên, 1 chỉ số thành phần suy giảm, cụ thể:

+ 7 chỉ số thành phần cải thiện, gồm: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (tăng 0,13 điểm); (2) Thiết chế pháp lý (tăng 0,24 điểm); (3) Cạnh tranh bình đẳng (tăng 0,3 điểm); (4) Tính năng động của địa phương (tăng 0,31 điểm); (5) Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất (tăng 0,72 điểm); (6) Hỗ trợ doanh nghiệp (tăng 1,28 điểm); (7) Chi phí không chính thức (tăng 1,84 điểm);

- + 1 chỉ số thành phần giữ nguyên là Vai trò người đứng đầu;
- + 1 chỉ số thành phần suy giảm là Chi phí thời gian (giảm 0,2 điểm).

Thứ ba: Kết quả khảo sát cho thấy cấp Địa phương có sự cải thiện các chỉ số DDCI một cách toàn diện hơn cấp Sở, ban, ngành.

2. Kiến nghị

2.1. Kiến nghị chung

Thứ nhất: Kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của DN theo chức năng, nhiệm vụ từng sở, ban, ngành và địa phương. Tiếp thu các kiến nghị qua đó có giải pháp thực hiện phù hợp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Thứ hai: UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết để duy trì, nâng cao các chỉ số có vị trí xếp hạng cao và cải thiện các chỉ số có vị trí xếp hạng thấp.

Thứ ba: Đẩy mạnh thực hiện công tác thông tin truyền thông đến cộng đồng DN về tính hiệu lực, hiệu quả của Bộ chỉ số DDCI để DN nắm bắt và đồng hành cùng chính quyền địa phương trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo tiền đề tốt để thu hút đầu tư.

Thứ tư: Tiếp tục điều chỉnh Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và Địa phương tỉnh Bình Định năm 2024 cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, chức năng nhiệm vụ của các sở, ban, ngành và gắn với các chỉ số liên quan khác như: SIPAS, PAPI, PAR Index, PCI,.../.

2.2. Kiến nghị đối với các sở, ban, ngành

Thứ nhất: Kịp thời xây dựng kế hoạch cải thiện các chỉ số giảm so với năm 2022, các tiêu chí có điểm số thấp hơn 7 điểm; xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhằm cải thiện điểm số cho chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp.

Thứ hai: Các sở có điểm số giảm so với năm 2022 gồm: Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công Thương cần quan tâm hơn nữa trong việc duy trì các tiêu chí có điểm số cao và khắc phục các tiêu chí có điểm số thấp.

2.3. Kiến nghị đối với các địa phương

Thứ nhất: Kịp thời xây dựng kế hoạch cải thiện các chỉ số giảm so với năm 2022, các tiêu chí có điểm số thấp hơn 7 điểm; xây dựng kế hoạch cải thiện điểm số cho chỉ số Thiết chế pháp lý.

Thứ hai: Các địa phương, có điểm số giảm so với năm 2022 gồm: Quy Nhơn, Tuy Phước, An Nhơn, Phù Mỹ cần quan tâm hơn nữa trong việc duy trì các tiêu chí có điểm số cao và khắc phục các tiêu chí có điểm số thấp.

Phụ lục 1

TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2023

Xếp hạng	Sở, ban, ngành	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Tính năng động của Sở, ban, ngành	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý	Vai trò người đứng đầu	Điểm số DDCI 2023
1	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh BD	8,43	8,67	7,33	7,34	7,22	7,39	8,90	9,29	80,71
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7,60	7,98	8,16	8,12	8,05	7,31	7,64	9,61	80,58
3	Sở Khoa học và Công nghệ	6,90	9,54	8,13	6,82	8,17	8,70	7,31	8,48	80,08
4	Sở Văn hóa và Thể thao	8,15	7,37	8,01	7,49	7,57	7,45	9,18	8,17	79,25
5	Sở Du lịch	8,03	8,62	7,21	7,13	7,58	7,65	8,84	8,14	79,00
6	Sở Tài chính	7,14	8,81	7,05	7,58	7,97	8,92	7,06	8,37	78,62
7	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	6,65	7,56	7,97	7,83	7,99	7,91	7,10	9,51	78,16
8	Bảo hiểm xã hội	7,28	7,37	7,35	7,16	7,76	6,94	7,32	7,75	73,66
9	Sở Xây dựng	6,92	8,74	6,78	6,49	6,88	6,71	8,12	7,81	73,06
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7,43	7,31	7,02	7,48	7,56	6,77	7,26	7,57	73,00
11	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	7,42	7,36	7,21	6,89	7,61	7,25	7,34	7,15	72,80
12	Sở Thông tin và Truyền thông	7,21	7,89	6,44	7,04	7,37	6,46	7,27	8,06	72,17
13	Công an	7,31	6,06	6,68	7,19	7,11	7,01	8,04	8,13	71,90
14	Sở Công Thương	7,03	6,82	7,66	7,24	7,46	6,27	7,07	7,46	71,27
15	Sở Tư pháp	6,02	6,70	7,34	8,25	6,21	7,61	7,05	7,48	70,81

Xếp hạng	Sở, ban, ngành	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Tính năng động của Sở, ban, ngành	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý	Vai trò người đứng đầu	Điểm số DDCI 2023
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	6,72	7,24	6,61	6,39	7,03	6,92	7,34	7,73	69,98
17	Sở Y tế	7,05	6,80	6,82	6,80	6,50	6,79	7,48	7,64	69,86
18	Cục Thuế	7,09	6,44	6,93	7,00	7,17	6,78	6,81	7,58	69,76
19	Cục Hải quan	6,86	6,11	6,89	6,64	7,32	7,03	7,27	7,57	69,60
20	Sở Giao thông vận tải	6,09	4,25	6,87	6,99	7,00	6,32	7,35	7,96	66,03
21	Sở Giáo dục và Đào tạo	6,79	8,88	7,08	4,00	7,53	3,55	6,97	7,99	65,98
22	Cục Quản lý thị trường	5,26	5,52	7,17	7,21	7,44	6,06	5,66	4,87	61,50
	Điểm số Trung vị	7,07	7,36	7,12	7,14	7,45	6,97	7,31	7,88	72,48

Phụ lục 2

TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2023

Xếp hạng	Địa phương	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Tính năng động của địa phương	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý	Vai trò người đứng đầu	Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất	Điểm số DDCI 2023
1	Hoài Nhơn	8,41	9,71	6,86	6,95	7,91	7,58	9,03	8,13	7,70	80,31
2	Vân Canh	6,79	7,59	9,61	8,28	9,03	6,87	6,78	6,87	8,41	78,03
3	Hoài Ân	7,82	8,10	7,32	7,82	7,12	8,24	8,15	7,69	7,60	77,63
4	Phù Cát	6,23	8,00	7,36	6,43	7,32	7,17	8,24	8,41	7,13	73,67
5	An Lão	8,26	6,60	7,19	9,88	7,04	7,03	5,31	6,96	7,93	73,56
6	An Nhơn	7,10	7,82	6,48	6,93	7,54	7,60	6,93	8,84	6,43	72,96
7	Tuy Phước	7,53	6,89	7,84	8,46	3,44	7,84	7,29	7,02	8,04	71,51
8	Tây Sơn	6,42	7,03	5,32	8,81	4,96	7,61	6,17	7,98	6,56	67,62
9	Vĩnh Thạnh	6,45	7,27	9,82	8,60	8,35	1,00	6,84	6,68	5,73	67,48
10	Quy Nhơn	7,99	6,97	6,97	3,83	4,36	8,26	7,62	7,18	6,89	66,74
11	Phù Mỹ	7,14	6,66	7,01	8,00	7,22	1,00	5,18	7,05	6,06	61,46
	Điểm số Trung vị	7,14	7,27	7,19	8,00	7,22	7,58	6,93	7,18	7,13	72,96